

BÁO CÁO**Tổng kết việc thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở
và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế**

Hòa giải ở cơ sở là một phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án ngày càng được coi trọng và ưu tiên áp dụng. Điều này thể hiện rõ trong nhiều nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã định hướng tăng cường sử dụng hòa giải trong giải quyết tranh chấp như: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp *“Phát huy đúng vai trò giám sát, phản biện xã hội, các hình thức tự quản của cộng đồng, các phương thức **hòa giải cấp cơ sở**”*; Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới đã chỉ rõ một trong những nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới là *“**Đẩy mạnh công tác phòng ngừa tội phạm....; phát hiện và giải quyết các xung đột xã hội, **hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân****”*. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới cũng khẳng định *“**Tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực để xã hội hóa và phát triển các lĩnh vực công chứng, **hòa giải**,...**”*. Với phương châm giải quyết “thấu tình, đạt lý”, hòa giải ở cơ sở là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tình và lý, giữa đạo đức và pháp luật, là một trong những phương thức thể hiện tính dân chủ và tư tưởng “lấy dân làm gốc”, người dân tự quyết định vấn đề của mình phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Hoạt động hòa giải ở cơ sở thiết thực góp phần thực hiện mục tiêu *“**củng cố, tăng cường niềm***

tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc...’’¹, tạo sự đồng thuận xã hội, vận động Nhân dân chung tay xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Hội nghị lần thứ 11 và Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, cả nước đã tiến hành sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025. Đặc biệt, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định: *“Kết hợp các phương thức phi tố tụng tư pháp với các phương thức tố tụng tư pháp; có giải pháp khuyến khích, phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài toà án...’’*; *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa’’*.

Trong bối cảnh tình hình chính trị, an ninh, kinh tế thế giới có những biến động lớn, nhanh chóng, phức tạp. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra cả thời cơ và thách thức. Một trong những thách thức đó là sự xâm nhập của các nền văn hóa trên thế giới, nhiều mối quan hệ xã hội phức tạp nảy sinh, các mâu thuẫn, tranh chấp diễn ra ngày càng nhiều và đa dạng. Nhiều vụ việc vi phạm pháp luật xảy ra do mâu thuẫn, tranh chấp chưa được hòa giải kịp thời ngay tại cơ sở, đòi hỏi Nhà nước phải có chính sách phù hợp, kịp thời giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật mới nảy sinh nhằm ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế; một trong những chính sách đó là củng cố và tăng cường công tác hòa giải ở cơ sở. Thời gian qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, trong đó quy định khuyến khích sử dụng biện pháp hòa giải trước khi áp dụng các biện pháp tư pháp chính thống như Bộ luật Hình sự², Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự³, Luật Đất đai⁴, Luật Hôn nhân và gia đình⁵, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình⁶, Luật Bảo vệ quyền lợi

¹ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

² Khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định một trong những căn cứ miễn trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp là người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải.

³ Quy định thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án tại Chương XXXIII.

⁴ Khoản 1 Điều 235 Luật Đất đai năm 2024 quy định “Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải, hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở, hòa giải theo quy định pháp pháp luật về hòa giải thương mại hoặc cơ chế hòa giải khác theo quy định của pháp luật”.

⁵ Điều 52 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Nhà nước và xã hội khuyến khích việc hòa giải ở cơ sở khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn. Việc hòa giải được thực hiện theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở”.

⁶ Khoản 3 Điều 18 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định chủ thể tiến hành hòa giải là tổ hòa giải ở cơ sở theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở.

người tiêu dùng⁷... Trong các văn bản này đều có những quy định ưu tiên hòa giải ở cơ sở khi có tranh chấp, mâu thuẫn, vi phạm pháp luật.

Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 20/6/2013, có hiệu lực từ ngày 01/01/2014. Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện, vững chắc cho hoạt động hòa giải ở cơ sở đi vào nề nếp, thống nhất, hiệu quả và tiếp tục khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Thực tiễn thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 cho thấy, ở những địa phương làm tốt công tác hòa giải cơ sở thì tình hình an ninh, trật tự được giữ vững, hằng năm số vụ vi phạm pháp luật hình sự thấp hơn. Thông qua công tác hòa giải ở cơ sở, những tranh chấp, bất đồng phát sinh tại cơ sở đã được giải quyết kịp thời, dứt điểm; không để tranh chấp kéo dài, khó xử lý, hạn chế đáng kể tình trạng khiếu kiện ra cơ quan nhà nước, khiếu kiện vượt cấp; góp phần xây dựng khối đoàn kết cộng đồng bền vững. Khi tiến hành hòa giải, hòa giải viên đã thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng pháp luật, hạn chế vi phạm pháp luật ngay tại cơ sở, qua đó, khẳng định vị trí, vai trò, ý nghĩa nhân văn sâu sắc của công tác hòa giải ở cơ sở trong giữ gìn, vun đắp tình làng, nghĩa xóm, xây dựng cơ sở, cộng đồng dân cư ngày càng ấm no, yên bình, hạnh phúc.

Bên cạnh các kết quả nêu trên, Luật Hòa giải ở cơ sở vẫn tồn tại một số điểm hạn chế, bất cập. Một số quy định không còn phù hợp, chưa đáp ứng được sự phát triển của đất nước và thế giới. Một số quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở hiện nay chưa tương thích với các văn bản quy phạm pháp luật khác (như Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...). Đặc biệt, trong bối cảnh sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, các quy định liên quan đến cấp huyện trong Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 không còn phù hợp. Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp đã phân định thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác hoà giải ở cơ sở. Tuy nhiên, Nghị định này chỉ có hiệu lực đến ngày 28/02/2027.

Từ thực tế trên và yêu cầu đổi mới, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành đòi hỏi phải được đánh giá, tổng kết việc thi hành để hoàn thiện.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

⁷ Khoản 1 Điều 63 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 quy định: Tổ chức hòa giải tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh bao gồm: “b) Tổ chức hòa giải theo quy định của pháp luật về hòa giải thương mại, pháp luật về hòa giải tại cơ sở, pháp luật về hòa giải tại tòa án”.

Năm 2023, Bộ Tư pháp đã tổ chức tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở trên phạm vi toàn quốc. Trên cơ sở kết quả báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và kết quả kiểm tra, khảo sát, hội thảo, hội nghị tổng kết Luật Hòa giải ở cơ sở, Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Chính phủ Báo cáo số 189/BC-BTP ngày 26/4/2024 về tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

Năm 2025, triển khai nhiệm vụ nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, Bộ Tư pháp đã thực hiện các hoạt động đánh giá, tổng kết như sau:

(1) Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản có liên quan như Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...

(2) Tổ chức 04 Hội thảo, Tọa đàm để đánh giá tình hình và đề xuất định hướng hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả công tác hòa giải trong thời gian tới⁸.

(3) Ngày 24/7/2025, Bộ Tư pháp tiếp tục có Công văn số 4495/BTP-PB&TG gửi một số bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đề nghị các cơ quan, địa phương tiếp tục đánh giá tình hình triển khai Luật Hòa giải ở cơ sở trong 02 năm từ ngày 01/7/2023 đến tháng 6/2025 để phục vụ tổng kết thi hành Luật. Tính đến ngày 30/9/2025, Bộ Tư pháp đã nhận được 09 báo cáo của các bộ, ngành, đoàn thể trung ương⁹ và 34/34 báo cáo của các địa phương. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các cơ quan, bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp đã xây dựng Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN¹⁰

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Luật

Để triển khai thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, ngày 04/11/2013, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2611/QĐ-BTP phê duyệt Kế hoạch thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở. Thực hiện các nhiệm vụ được Luật giao, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể trung ương tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật¹¹ và phối hợp, đề xuất Bộ Tài chính ban

⁸ Các tọa đàm được tổ chức tại TP. Hà Nội, Tây Ninh, Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

⁹ Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài chính; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Trung ương Hội người cao tuổi Việt Nam; Liên đoàn luật sư Việt Nam; Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Trung ương Hội Luật gia Việt Nam.

¹⁰ Số liệu được tính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2025, trừ số liệu về tổ hòa giải, hòa giải viên và hoạt động của tổ hòa giải tính đến 31/12/2025.

¹¹ Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTU'MTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính

hành 02 Thông tư¹². Bộ Tư pháp đã ban hành 59 văn bản hành chính, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành 16 văn bản hành chính để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Luật (*xem Phụ lục I*).

Ngoài ra, Bộ Tư pháp đã chủ trì thực hiện pháp điển Đề mục Hòa giải ở cơ sở (Đề mục số 1 thuộc Chủ đề 37. Tổ tụng và các phương thức giải quyết tranh chấp). Đề mục đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 13/6/2017 của Chính phủ và đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử pháp điển (địa chỉ: phapdien.moj.gov.vn).

Ở địa phương, Ủy ban nhân dân 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành Chỉ thị hoặc Kế hoạch triển khai thi hành Luật. Bên cạnh đó, trên cơ sở hướng dẫn hằng năm của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch, công văn chỉ đạo, hướng dẫn về xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ hòa giải, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho hòa giải viên, hướng dẫn các đơn vị sử dụng kinh phí thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở. Qua thống kê, trong 12 năm thực hiện Luật, các địa phương đã ban hành hơn 2.676 văn bản (*xem Phụ lục I*). Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời đã đưa Luật Hòa giải ở cơ sở đi vào cuộc sống, áp dụng có hiệu quả trên thực tiễn, được người dân đánh giá cao.

1.2. Tình hình quán triệt, phổ biến, truyền thông về Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 đã được các bộ, ngành, đoàn thể trung ương và địa phương tổ chức quán triệt, phổ biến một cách nghiêm túc, rộng rãi. Nhiều hình thức phổ biến nội dung Luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và Nhân dân đã được Bộ Tư pháp, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể trung ương và địa phương thực hiện. Một số hình thức quán triệt tiêu biểu như đăng tải toàn văn Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành trên Cổng/Trang Thông tin điện tử; tổ chức các hội nghị giao ban chuyên đề; tổ chức quán triệt, phổ biến các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành kết hợp với các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở, đại diện các tổ chức pháp chế các bộ, ngành, đoàn thể và Sở Tư pháp; tổ chức biên soạn, phát hành các tài liệu phổ biến, giới thiệu Luật; phối hợp với các cơ quan báo chí xây dựng các chuyên mục, chương trình, tin, bài phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng

phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

¹² Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

dẫn thi hành; qua hệ thống loa truyền thanh, trong các cuộc họp, sinh hoạt, trợ giúp pháp lý lưu động cho người dân và các thiết chế văn hóa ở cơ sở...

Để triển khai có hiệu quả Luật Hòa giải ở cơ sở, địa phương đã thực hiện nhiều hình thức phổ biến pháp luật về hòa giải ở cơ sở, gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” (trước đây là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”); một số địa phương đã phát động phong trào thi đua theo chuyên đề¹³, tuyên truyền qua xe thông tin lưu động¹⁴, tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật về hòa giải ở cơ sở để chuyển tải các quy định của Luật tới người dân...

1.3. Bố trí nguồn lực và xã hội hóa nguồn lực thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở

a) Đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở

Tại Bộ Tư pháp, Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở trên phạm vi toàn quốc (Phòng Quản lý hòa giải ở cơ sở, tiếp cận pháp luật chịu trách nhiệm tham mưu công tác này).

Ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố giao Sở Tư pháp tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở trên địa bàn (01 Phòng chuyên môn, trong đó phân công công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở). Ở cấp huyện (trước đây), Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tư pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác hòa giải ở cơ sở (Phòng Tư pháp phân công công chức quản lý công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn). Ở cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch (trước đây), nay là công chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở.

Để cập nhật kiến thức và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, hằng năm, Bộ Tư pháp tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về hòa giải cho công chức của Sở Tư pháp và báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh; đồng thời giải đáp, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai công tác hòa giải ở cơ sở cho địa phương.

Ở địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình quan tâm và phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn công tác hòa giải ở cơ sở đối với

¹³ Tỉnh Kiên Giang phát động phong trào thi đua theo chuyên đề “Nâng cao chất lượng và tỷ lệ hòa giải thành trong công tác hòa giải ở cơ sở; tổ chức khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác hòa giải”.

¹⁴ Tỉnh Đắk Nông, Quảng Nam...

cán bộ hội tham gia làm hòa giải viên, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

b) Về kinh phí thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở

Thực hiện Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, 33/34 tỉnh, thành phố đã ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân quy định về kinh phí hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải và mức chi thù lao theo vụ, việc cho hòa giải viên¹⁵. Nhiều địa phương ban hành đồng thời cả Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định của Ủy ban nhân dân quy định cụ thể mức chi, nội dung chi phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở tại địa phương¹⁶ hoặc ban hành thêm văn bản hướng dẫn thực hiện¹⁷; một số địa phương đã ban hành văn bản mới (hoặc sửa đổi, bổ sung) quy định về kinh phí để đáp ứng yêu cầu của công tác hòa giải ở cơ sở trước tình hình phát triển kinh tế - xã hội¹⁸.

Hầu hết các địa phương đã bố trí kinh phí chi thù lao cho hòa giải viên, kinh phí phục vụ hoạt động bầu hòa giải viên và hỗ trợ cho tổ hòa giải hoạt động; kinh phí tổ chức tập huấn, biên soạn và phát hành tài liệu cho tổ hòa giải, hòa giải viên. Nhiều địa phương đã bố trí kinh phí đáp ứng yêu cầu của công tác hòa giải ở cơ sở (xem Phụ lục IV).

c) Việc huy động nguồn lực xã hội cho công tác hòa giải ở cơ sở

Từ tháng 01/2014 đến tháng 6/2023 có 506 luật sư tham gia hòa giải 1.096 vụ việc tranh chấp trong nội bộ nhân dân và đạt tỷ lệ hòa giải thành 90%/tổng số các vụ việc tham gia¹⁹.

Một số địa phương đã huy động được kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở²⁰ dưới các hình thức như: hỗ trợ cơ sở vật chất, tài trợ phần thưởng cho các Hội thi hòa giải viên; kinh phí in pa-nô phổ biến pháp luật về hòa giải ở cơ sở...

1.4. Công tác nâng cao năng lực cho hòa giải viên

a) Xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ tập huấn viên hòa giải ở cơ sở

¹⁵ Tỉnh Thanh Hóa không ban hành văn bản riêng mà áp dụng trực tiếp Thông tư liên tịch số 56/2023/TT-BTC.

¹⁶ Bạc Liêu, Bắc Ninh, Bình Định, Hậu Giang, Kiên Giang, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên - Huế, TP. Hồ Chí Minh.

¹⁷ Bến Tre, Lạng Sơn, Tiền Giang, TP. Hà Nội.

¹⁸ Bắc Giang, Lào Cai, Quảng Ngãi, Vĩnh Phúc.

¹⁹ Báo cáo số 13/BC-LĐLSVN ngày 12/10/2023 của Liên đoàn Luật sư Việt Nam về tổng kết 10 năm thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở.

²⁰ TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bắc Giang, tỉnh Đồng Tháp...

Thực hiện Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022”, 63/63 tỉnh, thành phố đã xây dựng được đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh, cấp huyện. Theo đó, cả nước có 341 tập huấn viên cấp tỉnh, 3.812 tập huấn viên cấp huyện với thành phần chủ yếu từ nguồn cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở của cơ quan tư pháp cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ, công chức thuộc tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận); Hội Luật gia, Thanh tra, Tòa án...

Nhằm xây dựng đội ngũ tập huấn viên có đủ trình độ, kiến thức, kỹ năng tập huấn, góp phần nâng cao hiệu quả, tính chuyên môn hóa trong công tác tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên, ngoài việc phát hành Tài liệu bồi dưỡng tập huấn viên hòa giải ở cơ sở, Tài liệu tập huấn mẫu dành cho tập huấn viên, các bài giảng điện tử về phương pháp, cách thức tập huấn, từ năm 2020, Bộ Tư pháp đã tổ chức các Hội nghị tập huấn về phương pháp và kỹ năng tập huấn cho tập huấn viên cấp tỉnh của các tỉnh, thành phố trên cả nước²¹; tổ chức 07 lớp tập huấn, bồi dưỡng cho tập huấn viên cấp tỉnh về kỹ năng sử dụng phương pháp tập huấn hiện đại, lấy người học là trung tâm, tạo cảm hứng trong buổi tập huấn, bồi dưỡng²². Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã cử nhiều lượt báo cáo viên của Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý hỗ trợ tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh, cấp huyện²³ của các địa phương.

Tại địa phương, việc tổ chức tập huấn cho đội ngũ tập huấn viên cấp huyện đã được triển khai dưới các hình thức linh hoạt như: cấp phát tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng trực tiếp, trực tuyến²⁴.

b) Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở

Để nâng cao chất lượng công tác hòa giải ở cơ sở cho địa phương, hằng năm, Bộ Tư pháp biên soạn và phát hành các tài liệu về hòa giải ở cơ sở như đặc san, hỏi đáp, tiểu phẩm pháp luật hoặc chuyên đề... đăng tải trên Cổng/Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật; tổ chức làm điểm một số lớp tập huấn cho hòa giải viên ở cơ sở. Từ năm 2014 - 2025, Bộ Tư pháp đã tổ chức tập huấn cho hòa giải viên của một số huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên, Sóc Trăng, Đồng Nai, Tuyên Quang, Hải Dương, Cà Mau, Ninh Bình, Hà Tĩnh, An Giang, Gia Lai, Thanh Hóa, Điện Biên.

²¹ Bồi dưỡng cho đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh khu vực miền Bắc ngày 13/10/2020 tại thành phố Hải Phòng; khu vực miền Trung ngày 08/6/2022 tại thành phố Đà Nẵng; khu vực miền Nam ngày 10/8/2022 tại tỉnh Đồng Nai.

²² Theo đó, 40% đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh đã được tập huấn về phương pháp tập huấn hiện đại, lấy người học làm trung tâm thông qua 07 hội nghị tại các vùng miền trên cả nước, trung bình mỗi hội nghị có từ 25-35 học viên.

²³ Như các tỉnh: Trà Vinh, Long An, Hưng Yên, Phú Thọ, Quảng Nam, Quảng Bình, Hải Dương...

²⁴ Thành phố Hà Nội phối hợp với Học viện Tư pháp tổ chức tập huấn và cấp chứng chỉ đào tạo về kiến thức hòa giải ở cơ sở và chuyên sâu pháp luật về đất đai, dân sự, kỹ năng hòa giải cho 165 tập huấn viên cấp huyện.

Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố hướng dẫn Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc trực tiếp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật, kỹ năng cho các hòa giải viên. Nhiều địa phương có tỷ lệ hòa giải viên được bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải ở cơ sở cao²⁵.

Bên cạnh đó, để nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ hòa giải viên, các địa phương có nhiều cách làm sáng tạo như ban hành Quy định tiếp nhận, xử lý thông tin qua đường dây nóng về hoạt động hòa giải ở cơ sở²⁶; duy trì họp tổ hòa giải mỗi tháng/01 lần và định kỳ 3 tháng/01 lần; cán bộ theo dõi công tác hòa giải của xã họp giao ban cùng các tổ hòa giải trong xã để trao đổi nghiệp vụ và nắm bắt các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước mới ban hành²⁷; chọn vụ, việc hòa giải điển hình sau đó tổ chức rút kinh nghiệm có sự tham gia của các hòa giải viên trên địa bàn xã²⁸; huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên; tổ chức các hội nghị tập huấn cho hòa giải viên theo từng nhóm, từng lớp nhỏ²⁹. Một số địa phương, mời đại diện ngành Tòa án, ngành Tài nguyên và Môi trường cùng tham gia trao đổi, giải đáp những vướng mắc, khó khăn về mặt pháp lý mà hòa giải viên thường gặp phải trong quá trình thực hiện hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở; tổ chức diễn đàn trong đợt tập huấn...

Đặc biệt, từ năm 2019, các địa phương đã triển khai Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở”, do vậy, chất lượng, năng lực của đội ngũ hòa giải viên đã có những cải thiện đáng kể, qua đó giúp giải quyết kịp thời, hiệu quả các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở, góp phần tạo chuyển biến tích cực trong công tác hòa giải ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới³⁰.

Một trong những hình thức hiệu quả nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên là tổ chức Hội thi Hòa giải viên giỏi. Năm 2016, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương tổ chức Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ III. Năm 2023, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương đã tổ chức Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ IV. Các Hội thi đã nhận được sự tham gia của 63 tỉnh, thành phố. Ngoài việc hưởng ứng tham gia Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ III, thứ IV do Bộ Tư pháp chủ trì tổ chức, các địa phương trên cả nước đã thường xuyên tổ chức Hội thi hòa giải viên giỏi ở cả 03 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện

²⁵ Như TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Bình, Bắc Giang, Bà Rịa -Vũng Tàu...

²⁶ Tỉnh Trà Vinh.

²⁷ Tỉnh Bắc Giang.

²⁸ Tỉnh Quảng Bình.

²⁹ TP. Cần Thơ.

³⁰ Báo cáo số 183/BC-BTP ngày 26/6/2023 của Bộ Tư pháp về tổng kết thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022”.

và cấp xã)³¹. Hội thi đã góp phần thực hiện có hiệu quả Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò và ý nghĩa của công tác hòa giải ở cơ sở; tuyên truyền, phổ biến đến đông đảo cán bộ, nhân dân các quy định của pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ, đời sống hằng ngày của Nhân dân. Hội thi đã nhận được sự đánh giá cao của dư luận, góp phần động viên, khích lệ tinh thần để các hòa giải viên thêm trách nhiệm, tâm huyết, hòa giải thành nhiều tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân góp phần nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, tình đoàn kết trong cộng đồng, giữ gìn, phát huy truyền thống đạo lý và bản sắc văn hóa của dân tộc, kịp thời ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội.

1.5. Hoạt động kiểm tra công tác hòa giải ở cơ sở

Để thu thập thông tin, nắm bắt, đánh giá tình hình thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở; phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực hiện Luật, qua đó có giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở, hằng năm Bộ Tư pháp đã phối hợp với các đơn vị chức năng của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội liên quan thành lập các đoàn kiểm tra việc thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở của địa phương³².

Việc kiểm tra công tác hòa giải cơ sở được các Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch và tổ chức kiểm tra lồng ghép công tác hòa giải ở cơ sở gắn với kiểm tra công tác tư pháp tại các huyện, thị xã, thành phố và một số đơn vị cấp xã. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc phổ biến, quán triệt, ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; việc củng cố, kiện toàn tổ hòa giải và công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở; tổ chức bồi dưỡng pháp luật, hướng dẫn kỹ năng thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; biên soạn, phát hành tài liệu phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở; bố trí kinh phí phục vụ cho công tác hòa giải ở cơ sở; việc tham gia thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận theo quy định của pháp luật... Thông qua hoạt động kiểm tra, nhiều địa phương phát hiện và củng cố những mô hình, cách làm hay, sáng tạo cũng như những bất cập, vướng mắc còn tồn đọng để khắc phục kịp thời³³.

³¹ Như các tỉnh Nghệ An, Lạng Sơn, Hà Giang, Tiền Giang...

³² Bộ Tư pháp đã chủ trì tổ chức kiểm tra: Năm 2015 tại các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Gia Lai, Phú Yên, Sóc Trăng và TP. Cần Thơ; năm 2016 tại tỉnh Hải Dương và Đồng Nai; năm 2017 tại tỉnh Tiền Giang và Bến Tre; năm 2018 tại tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đồng Tháp và An Giang; năm 2022 tại tỉnh Ninh Bình và Hà Tĩnh và lồng ghép kiểm tra trong các Đoàn kiểm tra của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật trung ương tại Tây Ninh, Bình Dương, Quảng Ninh và Lạng Sơn; năm 2023 tại tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Trà Vinh, Cao Bằng, Sơn La.

³³ Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang đã ban hành 08 kế hoạch, tổ chức kiểm tra tại 15 lượt đơn vị cấp huyện, 33 đơn vị cấp xã; UBND cấp huyện ban hành 45 kế hoạch kiểm tra, tổ chức 105 cuộc kiểm tra tại 420 lượt UBND cấp xã; UBND cấp xã đã tổ chức 2.452 cuộc tự kiểm tra công tác hòa giải ở cơ sở.

1.6. Tổ chức sơ kết, tổng kết, thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở

Việc sơ kết, tổng kết thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở được Bộ Tư pháp quan tâm, chú trọng nhằm bảo đảm việc triển khai thi hành Luật có hiệu quả trên thực tế. Bộ Tư pháp đã ban hành Báo cáo số 101/QĐ-BTP ngày 03/4/2017 sơ kết 03 năm thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở, Báo cáo số 265/BC-BTP ngày 27/9/2019 đánh giá 05 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, Báo cáo 189/BC-BTP ngày 26/4/2025 đánh giá 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

Việc tổ chức sơ kết, tổng kết, công tác hòa giải ở cơ sở được các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức lồng ghép vào hội nghị tổng kết công tác tư pháp, phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm đảm bảo nghiêm túc, khách quan, thực chất, toàn diện từ tỉnh đến cơ sở. Tất cả các tỉnh, thành phố đã có kế hoạch, báo cáo sơ kết 03 năm, 05 năm và tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở. Năm 2023, nhiều tỉnh, thành phố đã tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở³⁴, đây là dịp để các địa phương đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân, từ đó kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổng kết, nhân rộng các mô hình hiệu quả, cách làm hay trong công tác hòa giải ở cơ sở.

Thực hiện Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp và Quyết định số 889/QĐ-BTP ngày 21/4/2014 của Bộ Tư pháp ban hành mẫu Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở, việc thống kê số liệu về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở đã được địa phương chú trọng triển khai.

1.7. Hợp tác quốc tế về hòa giải ở cơ sở

Bộ Tư pháp đã đón tiếp Đoàn công tác của Bộ Tư pháp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào³⁵, Đoàn công tác của Bộ Tư pháp Vương quốc Campuchia³⁶ sang thăm và làm việc về công tác hòa giải ở cơ sở. Theo đó, Bộ Tư pháp đã giới thiệu với các Đoàn công tác về Luật Hòa giải ở cơ sở của Việt Nam, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, mô hình tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở của Việt

- UBND tỉnh Bắc Giang đã chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, tham mưu thực hiện 07 cuộc kiểm tra định kỳ. Các huyện, thành phố triển khai tổ chức kiểm tra công tác hòa giải kết hợp với kiểm tra công tác tư pháp, kiểm tra của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp huyện (178 cuộc). Việc kiểm tra đột xuất còn được lồng ghép trong nội dung làm việc giữa Sở Tư pháp với Thường trực Huyện/thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố. Ở cấp huyện, hằng năm UBND cấp huyện đã ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện kiểm tra công tác này. Trong đó, đã có 5/10 huyện tổ chức kiểm tra chuyên đề về công tác hòa giải (39 cuộc). Bên cạnh đó, trong 10 năm, Mặt trận Tổ quốc cấp huyện đã thực hiện 45 cuộc giám sát, Hội đồng nhân dân cấp huyện thực hiện 05 cuộc giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác hòa giải ở cơ sở.

³⁴ Bắc Giang, Ninh Bình, Đồng Tháp, Cà Mau, Lạng Sơn, Long An, Sóc Trăng, Đắk Nông, Đắk Lắk, Nghệ An...

³⁵ Tháng 7 năm 2019.

³⁶ Tháng 3 năm 2023.

Nam để giúp các thành viên trong đoàn nghiên cứu, tham khảo áp dụng vào thực tiễn đất nước sau khi kết thúc chuyến công tác.

Bộ Tư pháp đã phối hợp với một số tổ chức quốc tế để triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở: (i) Phối hợp với Dự án “Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” (EU JULE) do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc và Liên minh châu Âu tài trợ để xây dựng và đăng tải Bộ Tài liệu tập huấn “Bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình hòa giải ở cơ sở” (gồm 02 Tài liệu: 01 cuốn dành cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở và 01 cuốn dành cho đội ngũ tập huấn viên)³⁷. Đồng thời, tổ chức 16 khóa tập huấn, hướng dẫn khai thác, sử dụng tài liệu cho đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh, cấp huyện và hòa giải viên ở cơ sở³⁸. In và phát hành 3.066 Sổ tay “Bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình hòa giải ở cơ sở” đến 1.022 xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (mỗi xã 03 quyển để phát cho tổ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn); (ii) Phối hợp với dự án “Tăng cường tư pháp cho người chưa thành niên tại Việt Nam giai đoạn 2022-2026” do Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc tài trợ xây dựng Tài liệu “Hướng dẫn quy trình hòa giải ở cơ sở đối với trường hợp người chưa thành niên vi phạm pháp luật” và tổ chức 02 khóa tập huấn, hướng dẫn khai thác, sử dụng tài liệu cho đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh³⁹.

Ở địa phương, một số Sở Tư pháp đã phối hợp với tổ chức quốc tế hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở. Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị đã phối hợp với dự án M-Score tổ chức bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ cho hòa giải viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Sở Tư pháp các tỉnh: Lai Châu, Phú Thọ, Quảng Trị, Kiên Giang và Quảng Ngãi đã phối hợp với Dự án EU JULE tổ chức hội nghị tập huấn kỹ năng hòa giải bảo đảm bình đẳng giới cho hòa giải viên. Sở Tư pháp TP. Hà Nội phối hợp với Sở Tư pháp Viêng - Chăn của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hợp tác trong lĩnh vực tư pháp, trong đó có trao đổi kinh nghiệm trong công tác hòa giải ở cơ sở giữa hai Thủ đô.

2. Kết quả thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của các văn bản

2.1. Tổ hòa giải và hòa giải viên

a) Thành lập, củng cố, kiện toàn tổ hòa giải ở cơ sở

Tổ hòa giải ở cơ sở là tổ chức tự quản của nhân dân thực hiện hòa giải tại chỗ, kịp thời mâu thuẫn, vi phạm pháp luật và tranh chấp phát sinh trong cộng đồng

³⁷ Xuất bản năm 2020 mỗi loại 250 cuốn và chỉnh sửa, cập nhật, tái bản năm 2022; đăng tải toàn văn trên Cổng Thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia.

³⁸ Trong năm 2019 và 2022: Đã có 186 tập huấn viên cấp tỉnh; 119 tập huấn viên cấp huyện và 222 hòa giải viên ở cơ sở được tập huấn khai thác, sử dụng Bộ Tài liệu này.

³⁹ Năm 2024 tổ chức tập huấn cho tập huấn viên cấp tỉnh khu vực miền Bắc cho 18 đại biểu; năm 2025 tổ chức tại khu vực miền Nam cho 21 đại biểu.

dân cư. Việc hòa giải kịp thời tranh chấp, mâu thuẫn ở cơ sở đã trực tiếp ngăn ngừa vi phạm pháp luật và góp phần phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân. Theo khoản 2 Điều 2 Luật Hòa giải ở cơ sở: *Cơ sở là thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố và cộng đồng dân cư khác (sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố)*. Mô hình tổ chức của tổ hòa giải ở cơ sở được thành lập theo địa bàn thôn, tổ dân phố.

Công tác rà soát, củng cố, kiện toàn, phát triển tổ hòa giải và hòa giải viên ở cơ sở được cơ quan tư pháp các cấp phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTU'MTTQVN. Hằng năm (định kỳ 06 tháng đầu năm và cuối năm), Sở Tư pháp yêu cầu Phòng Tư pháp các huyện, thành phố tiến hành rà soát, thống kê số lượng, thành phần hòa giải viên. Trên cơ sở kết quả rà soát, hướng dẫn Phòng Tư pháp cấp huyện phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hướng dẫn các đơn vị cấp xã củng cố, kiện toàn tổ hòa giải theo quy định pháp luật.

Qua 12 năm triển khai thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở, số lượng tổ hòa giải và hòa giải viên ở cơ sở được tinh gọn dần⁴⁰ và đi vào hoạt động thực chất hơn, hiệu quả hơn. Tính đến ngày 31/12/2025, cả nước có 85.855 tổ hòa giải được thành lập tại thôn, tổ dân phố. Đến nay, hầu hết mỗi thôn, tổ dân phố có 01 tổ hòa giải. Cả nước có 547.235 hòa giải viên, trong đó có 157.212 hòa giải viên nữ, 137.327 hòa giải viên là người dân tộc thiểu số. Đây là một lực lượng hùng hậu, chưa kể các cán bộ chính quyền, đoàn thể cơ sở, cán bộ nghỉ hưu, trưởng họ, trưởng tộc... những người có uy tín trong cộng đồng dân cư không phải là hòa giải viên nhưng đã và đang tham gia tích cực vào việc hòa giải ở cơ sở.

Số lượng thành viên của mỗi tổ hòa giải trung bình từ 05 - 07 hòa giải viên/tổ phù hợp với thực tế hoạt động của tổ hòa giải hiện nay. Cơ cấu thành phần của mỗi tổ hòa giải cơ bản là hợp lý với sự tham gia của nhiều thành phần dân cư, đại diện trong xã hội, có hòa giải viên nữ, đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số. Tổ hòa giải thường có bí thư chi bộ, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng ban Ban công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trưởng các tổ chức đoàn thể tại thôn, tổ dân phố (như Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi, người có uy tín trong cộng đồng dân cư...).

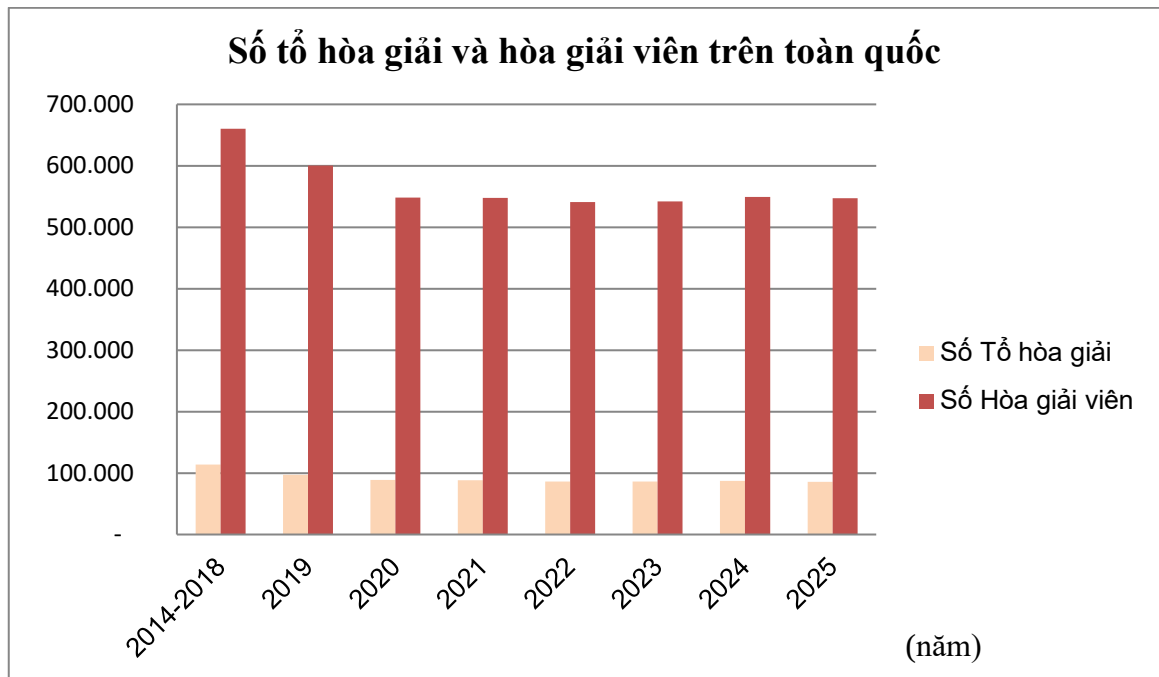
⁴⁰ Do thực hiện chủ trương sáp nhập địa giới hành chính chính ở cơ sở nên số lượng các tổ hòa giải giảm dần. Năm 2013, cả nước có 118.116 tổ hòa giải với 614.731 hòa giải viên. Năm 2014, có 121.706 tổ hòa giải với 674.951 hòa giải viên. Năm 2015, có 120.176 tổ hòa giải với 658.783 hòa giải viên. Năm 2016, có 112.291 tổ hòa giải với tổng số 661.344 hòa giải viên. Năm 2017 có 109.184 tổ hòa giải với 653.702 hòa giải viên. Năm 2018, có 107.086 tổ hòa giải với 652.819 hòa giải viên. Năm 2019, có 96.953 tổ hòa giải với 600.552 hòa giải viên. Năm 2020 có 88.765 tổ hòa giải với 548.367 hòa giải viên. Năm 2021 có 88.177 tổ hòa giải với 547.878 hòa giải viên. Năm 2022 có 86.407 tổ hòa giải với 540.858 hòa giải viên. Năm 2023 có 86.178 tổ hòa giải với 542.321 hòa giải viên. Năm 2024, cả nước có 87.402 tổ hòa giải được thành lập tại thôn, tổ dân phố với 549.447 hòa giải viên.

Nhìn chung, các tổ hòa giải đều thực hiện đúng trách nhiệm của tổ hòa giải theo quy định của pháp luật. Sau 12 năm triển khai thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, đã đạt được những kết quả quan trọng, tỷ lệ hòa giải thành duy trì ổn định, số lượng các vụ việc mâu thuẫn được hòa giải giảm theo từng năm. Tuy nhiên, theo thống kê, hiện nay tính trung bình mỗi tổ hòa giải tiến hành hòa giải khoảng 1,5 vụ, việc/năm là rất ít, cho thấy hiệu suất hoạt động của công tác hòa giải ở cơ sở chưa cao.

b) Về tiêu chuẩn, quy trình bầu, công nhận, cho thôi hòa giải viên

Tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bầu, cho thôi hòa giải viên thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Luật hòa giải ở cơ sở và Điều 12 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN: Danh sách dự kiến bầu hòa giải viên được thông báo công khai tại nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố để mọi người dân biết và theo dõi. Việc phối hợp tổ chức bầu hòa giải viên được thực hiện dân chủ, các cuộc họp được tiến hành khi có trên 50% đại diện các hộ gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố tham dự. Tại cuộc họp bầu hòa giải viên, các thành viên tham dự đã thể hiện quyền dân chủ rộng rãi trong việc bày tỏ ý kiến của mình đối với danh sách dự kiến bầu, kết quả bầu hòa giải viên được trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận. Việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, quy trình bầu, công nhận, cho thôi hòa giải viên ở cơ sở đã góp phần bảo đảm chất lượng hòa giải viên, phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, đồng thời tránh trường hợp lựa chọn, giới thiệu hòa giải viên theo chủ quan, cảm tính, không khách quan.

Chất lượng của đội ngũ hòa giải viên ngày càng được nâng cao. Trong số 547.235 hòa giải viên, có 13.985 hòa giải viên có trình độ chuyên môn luật (chiếm 2,56%), trung bình hằng năm có hơn 70% hòa giải viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Hòa giải viên đều là những người có phẩm chất đạo đức tốt, sống gương mẫu, có uy tín, có khả năng vận động, thuyết phục nhân dân chấp hành pháp luật, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình tham gia công tác hòa giải, được bầu chọn công khai, dân chủ trong cộng đồng.



Tuy nhiên, bên cạnh những mặt ưu điểm như đã phân tích, việc thực hiện các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, bầu, công nhận, cho thôi làm hòa giải viên cũng bộc lộ những hạn chế, bất cập, cụ thể như sau:

- Việc bầu, công nhận hòa giải viên được quy định tại Điều 8 của Luật Hòa giải ở cơ sở và Điều 12 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN. Theo đó, việc bầu hòa giải viên phải thực hiện nhiều bước gồm thành lập tổ bầu hòa giải viên; lập danh sách bầu hòa giải viên; thông báo công khai danh sách bầu hòa giải viên, tổ chức cuộc họp bầu hòa giải viên hoặc tổ chức phát phiếu bầu đến từng hộ gia đình... Quy định này chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đặc biệt trong bối cảnh hòa giải viên của tổ hòa giải ở cơ sở thường xuyên có sự thay đổi (thường xuyên có người xin thôi làm hòa giải viên). Trên thực tế, phần lớn thành viên tổ hòa giải cũng chính là tổ trưởng tổ dân phố, thôn trưởng, già làng, trưởng bản, trưởng ban công tác mặt trận, những người thuộc các tổ chức đoàn thể ở thôn. Tại nhiều địa bàn dân cư, do biến động nhân sự xảy ra tình trạng tổ hòa giải không duy trì đủ số lượng tối thiểu là 03 thành viên. Điều này có nguy cơ làm ảnh hưởng đến việc bố trí hòa giải viên giải quyết vụ, việc trong trường hợp có mâu thuẫn, tranh chấp xảy ra trên địa bàn.

c) Quyền và nghĩa vụ, chế độ, chính sách cho hòa giải viên và người tham gia công tác hòa giải ở cơ sở

Quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên được quy định cụ thể trong Luật Hòa giải ở cơ sở là căn cứ pháp lý để nâng cao chất lượng hoạt động của hòa giải viên, tạo điều kiện để hòa giải viên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong hoạt động hoà giải, từng bước nâng cao vị thế của hòa giải viên, tránh quan niệm về hòa giải viên

là “ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng” đã làm ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm của một bộ phận hòa giải viên.

Khen thưởng trong công tác hoà giải ở cơ sở là hình thức động viên, khuyến khích các hòa giải viên tham gia tích cực vào công tác hòa giải. Vì đối tượng tham gia hòa giải ở cơ sở là những người tự nguyện, không vì lợi ích kinh tế, họ thường là những người đang công tác ở cơ sở hoặc những người đã cao tuổi, về nghỉ hưu; giá trị tinh thần đối với họ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, do vậy, Bộ Tư pháp đã quan tâm, thực hiện khen thưởng đối với hòa giải viên⁴¹.

Ở địa phương, hoạt động khen thưởng được triển khai thường xuyên, phát hiện và biểu dương những tấm gương cá nhân, tập thể hòa giải viên gương mẫu, có thành tích tốt, kiến thức pháp luật vững chắc. Việc khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác hòa giải ở cơ sở được Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức gắn với việc sơ kết, tổng kết của ngành hoặc các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước. Công tác này được nhiều địa phương quan tâm thực hiện hằng năm lồng ghép với khen thưởng đánh giá công tác tư pháp cuối năm hoặc thực hiện chuyên đề khen thưởng riêng đối với công tác hòa giải ở cơ sở, một số tỉnh, thành phố thực hiện nề nếp, điển hình như các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Yên Bái, Bắc Giang, Bình Thuận, Quảng Bình, Đồng Tháp, Gia Lai, Lào Cai, Trà Vinh, Long An, Hậu Giang, Thanh Hóa, Quảng Trị, Đồng Nai⁴², TP. Hà Nội⁴³.

Tuy nhiên, theo quy định ngoài những quyền lợi được tham gia bồi dưỡng, khen thưởng thì hòa giải viên được nhận thù lao hòa giải theo vụ việc quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC (300.000-400.000 đồng/vụ, việc). Khoản thù lao này chỉ mang tính chất động viên hòa giải viên. Luật cũng chưa quy định hòa giải viên có trách nhiệm cung cấp thông tin vụ việc cho Tòa án khi vụ việc hòa giải thành được các bên đề nghị Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận (dẫn đến chưa có sự thống nhất với Bộ luật Tố tụng dân sự).

⁴¹ Trong giai đoạn 2018-2023, Bộ Tư pháp đã tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp tư pháp cho 941 hòa giải viên ở cơ sở. Năm 2016, Bộ Tư pháp đã tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho 15 hòa giải viên thuộc các đội đạt giải đặc biệt, nhất, nhì của Vòng chung kết Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ III; Năm 2023, tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho 06 hòa giải viên của các đội đạt giải nhất, nhì, ba của Vòng thi toàn quốc Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ IV và 04 hòa giải viên có thành tích xuất sắc trong 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở. Năm 2023, 2024, 2025, mỗi năm Bộ Tư pháp đều lựa chọn 02 hòa giải viên tiêu biểu, điển hình để vinh danh “Gương sáng Pháp luật”.

⁴² Chủ tịch UBND tỉnh đã tặng Bằng khen cho 10 tập thể, 25 cá nhân có thành tích xuất sắc trong 05 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; khen thưởng 11 tập thể đạt giải tại Hội thi hòa giải viên giỏi tỉnh Đồng Nai năm 2015. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố đã tặng Giấy khen cho hơn 150 lượt tập thể và hơn 220 lượt cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, xây dựng các mô hình hòa giải ở cơ sở hiệu quả.

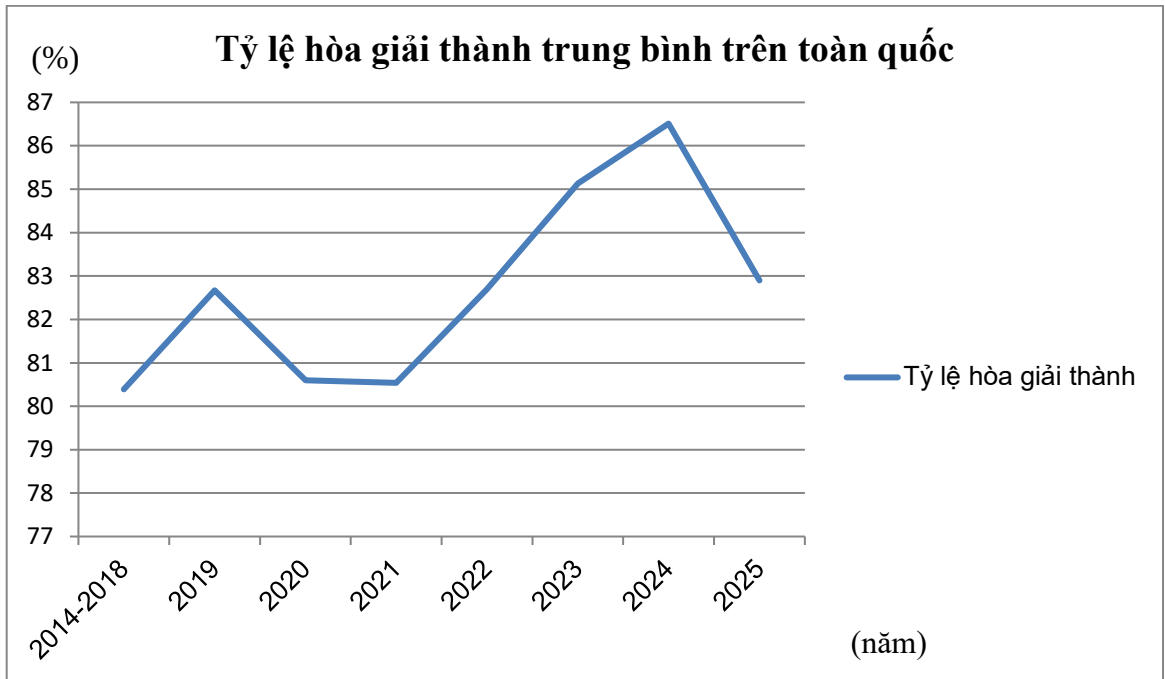
⁴³ Năm 2019, tổng kết 5 năm Luật Hòa giải ở cơ sở, thành phố khen thưởng cho 19 tập thể và 45 cá nhân trong công tác hòa giải ở cơ sở đặc biệt là mỗi quận, huyện, thị xã 01 hòa giải viên tiêu biểu được Chủ tịch UBND TP tặng Bằng khen. Bên cạnh đó, Thành phố quan tâm đẩy mạnh công tác hòa giải ở cơ sở gắn với phong trào thi đua “Người tốt, việc tốt”, phát động phong trào viết về tấm gương hòa giải, câu chuyện hòa giải, phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, phong trào xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh...

Mặt khác, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 chưa quy định quyền và nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải (người có uy tín, người có trình độ, hiểu biết...). Các biện pháp khuyến khích tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở quy định tại Điều 2 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP (được Nhà nước cung cấp thông tin miễn phí về chính sách, pháp luật liên quan; được khen thưởng khi có đóng góp, hỗ trợ tích cực cho công tác hòa giải ở cơ sở) chưa thực sự thu hút các tổ chức, cá nhân đóng góp cho công tác hòa giải ở cơ sở.

2.2. Hoạt động hòa giải ở cơ sở

Có thể khẳng định Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện, vững chắc cho hoạt động hòa giải ở cơ sở đi vào nề nếp, thống nhất, hiệu quả và tiếp tục khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2025, cả nước tiếp nhận 1.528.936 vụ, việc hòa giải (trung bình 127.411 vụ, việc/năm), trong đó, hòa giải thành 1.239.367/1.513.084 vụ, việc đã tiến hành hòa giải (trung bình 103.280 vụ, việc/năm), đạt tỷ lệ 81,92%. Tỷ lệ hòa giải thành ngày càng cao⁴⁴. Một số tỉnh có tỷ lệ hòa giải thành cao như: Lào Cai (88,60%); Tây Ninh (88,38%); Sơn La (88,13%); Tuyên Quang (87,01%); Lai Châu (85,66%); Đồng Tháp (85,46%); Cần Thơ (85,06%); Hà Tĩnh (84,73%); Đà Nẵng (84,71%); An Giang (84,48%); Hà Nội (84,06%); Quảng Trị (83,44%); TP. Hồ Chí Minh (83,26%)... và một số tỉnh có tỷ lệ hòa giải thành thấp như: Đắk Lắk (74,80%); Lạng Sơn (74,63%); Đồng Nai (74,25%); Thái Nguyên (73,68%); Gia Lai (69,72%); Cao Bằng (69,47%);... (xem Phụ lục III).

⁴⁴ Giai đoạn 2014-2018, tỷ lệ hòa giải thành trung bình đạt 80,39%; năm 2019, tỷ lệ hòa giải thành đạt 82,67%; năm 2020, đạt 80,60%; năm 2021, đạt 80,54%; năm 2022 đạt 82,70; năm 2023 đạt 85,13%; năm 2024 đạt 86,51%; năm 2025 đạt 82,9%.



Hầu hết các mâu thuẫn, tranh chấp được hòa giải chủ yếu phát sinh trong các lĩnh vực đất đai, dân sự (tranh chấp về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất....); hôn nhân và gia đình (xung đột giữa vợ và chồng, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên khác trong gia đình); mâu thuẫn giữa các bên (do khác nhau về quan niệm sống, lối sống, tính tình không hợp hoặc mâu thuẫn trong việc sử dụng lối đi qua nhà, lối đi chung, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung hoặc các lý do khác)... Những vụ việc hòa giải không thành nguyên nhân chủ yếu do sự thiếu hợp tác giữa các bên tranh chấp trong khi hoạt động hòa giải chỉ được tiến hành trên cơ sở tự nguyện của các bên. Thực tế cho thấy những vụ việc tranh chấp phức tạp (đồng người, nội dung tranh chấp liên quan đến nhiều lĩnh vực) thì hòa giải viên ở cơ sở chưa hòa giải được nhiều, do năng lực không đáp ứng, kiến thức pháp luật còn hạn chế. Đặc biệt, đối với các vụ việc tranh chấp đất đai, nguồn gốc, chính sách đất đai khá phức tạp, một số vụ việc thiếu cơ sở pháp lý để giải quyết (hồ sơ địa chính thiếu, việc trích lục giấy tờ nhà đất tại cơ quan có thẩm quyền gặp khó khăn...) dẫn đến việc hòa giải tranh chấp đất đai khó thành công.

Các vụ việc hòa giải thành đã được các hòa giải viên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành do mình trực tiếp giải quyết; kịp thời thông báo cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo Trưởng ban công tác Mặt trận những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện. Nhìn chung, sau khi hòa giải thành, đa số các bên đều thực hiện đúng thỏa thuận, cam kết đã thống nhất trong buổi hòa giải; bảo đảm quyền và lợi ích của các bên, bảo đảm tính hợp pháp của kết quả hòa giải thành và tôn trọng sự tự nguyện của các bên, không bắt buộc, áp đặt các bên trong hòa giải ở cơ sở.

Tuy nhiên, các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành trong thực tiễn vẫn phát sinh nhưng vướng mắc, bất cập ảnh hưởng đến kết quả của hoạt động hòa giải ở cơ sở. Cụ thể như sau:

a) Tiến hành hòa giải

Theo khoản 2 Điều 20 của Luật quy định thời gian tiến hành hòa giải: “Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày được phân công, hòa giải viên bắt đầu tiến hành hòa giải, trừ trường hợp cần thiết phải hòa giải ngay khi chứng kiến vụ, việc hoặc các bên có thỏa thuận khác về thời gian hòa giải”. Quy định này còn thiếu trường hợp hòa giải viên biết vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải quy định tại Điều 16 căn cứ tiến hành hòa giải.

Ngoài ra, để bảo đảm tính kịp thời của hoạt động hòa giải ở cơ sở, Luật Hòa giải ở cơ sở cũng không quy định thời hạn mà tổ trưởng tổ hòa giải phải phân công hòa giải viên tiến hành hòa giải khi có căn cứ tại khoản 3 Điều 16.

b) Thực hiện thỏa thuận hòa giải thành

Để thực hiện thỏa thuận hòa giải thành, bên cạnh việc hòa giải viên theo dõi sát sao, khéo léo vận động để các bên tuân thủ kết quả hòa giải thì phần lớn là phụ thuộc vào ý thức, sự tự nguyện thực hiện thỏa thuận của các bên tranh chấp. Nhiều khi một bên hoặc các bên tranh chấp không thực sự có thiện chí, chấp nhận hòa giải thành nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận hòa giải, những trường hợp này tổ hòa giải rất khó tác động; hoặc có khi do yếu tố khách quan nên không thể thực hiện thỏa thuận, đối với các trường hợp này thì tổ hòa giải không kịp thời theo dõi, giúp các bên thỏa thuận thì mâu thuẫn có thể bùng phát lại. Trên thực tế, nhiều vụ việc đã hòa giải thành, sau một thời gian các bên thực hiện không đúng thỏa thuận lại tái phát sinh tranh chấp, mâu thuẫn giữa các bên lại sâu sắc hơn, việc hòa giải lại khó đạt kết quả hơn, ảnh hưởng đến an ninh trật tự trong cộng đồng dân cư.

Chưa có quy định ràng buộc trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận sau khi hòa giải thành. Do hoạt động hòa giải ở cơ sở mang tính tự nguyện, các quy định mang tính khuyến khích thực hiện nên vẫn còn trường hợp các bên không thực hiện đầy đủ các cam kết sau khi hòa giải thành, dẫn đến kết quả hòa giải chưa đạt hiệu quả cao.

Thực hiện Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về thủ tục yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp (sau khi có ý kiến thống nhất của Tòa án nhân dân tối cao) tại Công văn số 1503/BTP-PBGDPL ngày 05/5/2017 và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp, việc yêu cầu Tòa án nhân dân công nhận kết quả hòa giải thành cũng đã được thực hiện tại một số địa phương. Tuy nhiên, không có nhiều vụ việc được các bên yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành. Tính đến năm 2023, có 170 đơn đề nghị Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải

thành và có 168 vụ, việc hòa giải thành ở cơ sở được Tòa án ra quyết định công nhận.

2.3. Về kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở

Nhiều địa phương đã quan tâm, bố trí nguồn kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hòa giải ở cơ sở nên đã khích lệ, động viên các hòa giải viên thực hiện hòa giải, phát huy tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng.

Hiện nay, Điều 6 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định: *"Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở để biên soạn, phát hành tài liệu; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng về hòa giải ở cơ sở...."*. Tuy nhiên quy định *"hỗ trợ kinh phí"* chưa tạo hiệu lực pháp lý mạnh mẽ trong thực tiễn triển khai. Việc bố trí kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở phụ thuộc vào sự quan tâm của cấp ủy, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân các cấp, do vậy, có nơi nếu không được quan tâm thì mức kinh phí chi cho công tác hòa giải ở cơ sở (gồm kinh phí cho cơ quan quản lý nhà nước và chi hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải, thù lao hòa giải viên) cũng rất ít⁴⁵. Một số địa phương bố trí ngân sách cho công tác hòa giải ở cơ sở chưa phân bổ đầy đủ, chủ yếu giao dự toán theo hình thức khoán, không căn cứ vào vụ việc của năm trước để dự toán cho năm tiếp theo. Chưa tách biệt bố trí giữa chi kinh phí cho công tác hòa giải và các khoản kinh phí khác⁴⁶. Định mức cho công tác hòa giải còn thấp, chi phí hỗ trợ tổ hòa giải hoạt động (văn phòng phẩm, nước uống, phô tô tài liệu... chưa đáp ứng nhu cầu thực tế). Việc bảo đảm nguồn lực, kinh phí theo mức quy định của pháp luật cho công tác hòa giải ở cơ sở chưa được triển khai đồng đều giữa các địa phương; có nơi chưa bố trí kinh phí cho công tác này. Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, thù lao cho hòa giải viên tại một số địa phương còn phức tạp, chưa đúng quy định. Mặt khác, quy định *"Ngân sách trung ương chỉ bổ sung cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách để hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở"* không thống nhất với quy định của Luật Ngân sách nhà nước về việc nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm, dẫn đến không khả thi, gây vướng mắc trong thực tiễn.

2.4. Sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận với cơ quan Tư pháp trong công tác hòa giải ở cơ sở

Thời gian qua, công tác phối hợp giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan Tư pháp cùng cấp từ trung ương đến cơ sở đã có những chuyển biến tích cực, nhất là sau khi có Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban trung ương Mặt trận

⁴⁵ Như Cao Bằng trong 12 năm kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở (gồm ngân sách nhà nước và xã hội hóa) trên 2 tỷ; Khánh Hòa hơn 3,5 tỷ; Đắk Lắk hơn 4,9 tỷ...

⁴⁶ Hầu hết các địa phương gộp kinh phí hòa giải ở cơ sở trong kinh phí dành cho phổ biến, giáo dục pháp luật

Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

Ở trung ương, hằng năm, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành kế hoạch hoặc văn bản hướng dẫn công tác hòa giải ở cơ sở trong hệ thống Mặt trận; đồng thời tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở do Bộ Tư pháp chủ trì. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức các Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ III, lần thứ IV. Trong đó, đại diện Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia Ban Tổ chức Hội thi, đại diện cấp Vụ tham gia Tổ Thư ký Hội thi.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chủ động phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp thông qua việc xây dựng các văn bản phối hợp dưới các hình thức như Kế hoạch liên tịch, hướng dẫn liên tịch, chương trình phối hợp, quy chế phối hợp... trong đó đẩy mạnh việc phổ biến pháp luật về hòa giải ở cơ sở, chú trọng công tác kiểm tra, đánh giá, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về công tác hòa giải ngay tại cơ sở.

Đối với việc bầu hòa giải viên hoặc thành lập tổ hòa giải mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban công tác Mặt trận tại khu dân cư luôn chủ động phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận, lựa chọn nhân sự giới thiệu bầu và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận hòa giải viên.

Trong quá trình tiến hành hòa giải ở cơ sở, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên, hội viên của tổ chức làm hòa giải viên hoặc tham gia trực tiếp hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật tại thôn, tổ dân phố nơi mình cư trú⁴⁷; động viên nhân dân tích cực sử dụng biện pháp hòa giải ở cơ sở như là biện pháp ưu tiên trong giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn; gắn hoạt động hòa giải ở cơ sở với các phong trào, cuộc vận động tại cộng đồng dân cư như: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phong trào “Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa”, phong trào “Bảo vệ an ninh tổ quốc, trật tự an toàn xã hội”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”... Việc thực hiện đã gắn kết công tác ở cơ sở với nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương, đưa kết quả thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở thành một tiêu chí trong đánh giá cuộc vận động, góp phần động viên, tôn vinh, nhân rộng các mô hình, điển hình về hòa giải ở cơ sở.

⁴⁷ Báo cáo số 50/BC-MTTW-BTT ngày 26/9/2025 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thì tính đến ngày 30/6/2025, theo báo cáo của 21/34 tỉnh, thành phố và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong tổng số 413.305 hòa giải viên, có 59.151 hòa giải viên là cán bộ Mặt trận và 156.232 hòa giải viên là cán bộ tổ chức thành viên của Mặt trận (chiếm hơn 52%).

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc

a) Khó khăn, vướng mắc về nhận thức

- Một số cơ quan, đơn vị, nhất là cấp ủy, người đứng đầu chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác hòa giải ở cơ sở nên việc quan tâm chỉ đạo, triển khai công tác này trên thực tế còn chưa kịp thời, thường xuyên.

- Nhiều hòa giải viên (đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa) chưa nắm vững quy định pháp luật hiện hành, dẫn đến việc giải quyết vụ việc còn cảm tính. Nhiều người dân (kể cả hòa giải viên) không biết rằng kết quả hòa giải thành có thể được Tòa án ra quyết định công nhận để có giá trị cưỡng chế thi hành.

- Người dân chưa thực sự coi tổ hòa giải là kênh giải quyết tranh chấp ưu tiên. Một số bộ phận trong người dân còn coi nhẹ kết quả hòa giải, dẫn đến tình trạng sau khi hòa giải xong vẫn tiếp tục khiếu kiện hoặc phát sinh tranh chấp mới, gây lãng phí nguồn lực xã hội.

b) Khó khăn, hạn chế do quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

- Việc thiếu quy định về cơ chế “chỉ định hòa giải viên” bên cạnh phương thức bầu theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 đã bộc lộ những bất cập trong thực tiễn. Khi tổ hòa giải không bảo đảm đủ số lượng hoặc phát sinh nhu cầu bổ sung gấp để đáp ứng yêu cầu giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp kịp thời, nhiều địa phương buộc phải linh hoạt lựa chọn trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận tham gia làm hòa giải viên. Tuy nhiên, do pháp luật chưa ghi nhận cơ chế chỉ định, các địa phương vẫn phải tổ chức họp dân để bầu lại nhằm “hợp thức hóa” thủ tục theo quy định. Cách làm này khiến quy trình bầu chọn trở nên hình thức, thiếu thực chất, vừa tốn thời gian, nguồn lực, vừa làm giảm ý nghĩa của cơ chế dân chủ, tự quản ở cộng đồng. Vì vậy, việc bổ sung quy định về chỉ định hòa giải viên trong những trường hợp nhất định, với điều kiện và thẩm quyền rõ ràng, là cần thiết nhằm bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời trong tổ chức hoạt động hòa giải, đồng thời khắc phục tình trạng “đối phó” về thủ tục đang tồn tại trong thực tiễn.

- Quy định về quyền, nghĩa vụ của hòa giải viên chưa bao quát toàn diện, còn tản mát ở nhiều điều luật và chưa đầy đủ theo một số văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành như quyền được mời người khác tham gia hòa giải; đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức hỗ trợ, tư vấn vụ việc hòa giải; hoặc trách nhiệm cung cấp thông tin cho Tòa án khi vụ, việc hòa giải thành được các bên đề nghị Tòa án công nhận; tham gia tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật và kỹ năng hòa giải ở cơ sở... Điều này khiến cho nhiều hòa giải viên còn e ngại, thiếu chủ động trong việc huy động các nguồn lực tư vấn chuyên môn hoặc mời người có uy

tín phối hợp giải quyết các vụ việc phức tạp, dẫn đến tỷ lệ hòa giải thành ở một số địa bàn chưa cao. Đáng chú ý, việc thiếu cơ chế gắn kết trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan Tòa án đã tạo ra “điểm nghẽn” trong quy trình công nhận kết quả hòa giải thành, làm giảm hiệu lực thi hành của các văn bản về kết quả hòa giải thành và ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của các bên tranh chấp. Bên cạnh đó, khi các nghĩa vụ về học tập, bồi dưỡng kỹ năng chưa được luật hóa thành chế định bắt buộc, chất lượng nguồn nhân lực hòa giải viên sẽ dần không đáp ứng được yêu cầu của các loại hình tranh chấp mới phát sinh trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, gây lãng phí nguồn lực đầu tư của Nhà nước và làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào thiết chế hòa giải ở cơ sở.

- Pháp luật hiện hành đã có quy định cho phép mời người có trình độ, uy tín tham gia phối hợp trong công tác hòa giải ở cơ sở, song việc thiếu hụt các quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của nhóm đối tượng này đang tạo ra những rào cản lớn trong thực thi. Phạm vi, hình thức tham gia của người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở chưa được quy định rõ nét, dẫn đến tình trạng lúng túng trong việc xác định phạm vi trách nhiệm, giới hạn tham gia cũng như các quyền lợi liên quan. Sự thiếu vắng cơ chế pháp lý này không chỉ khiến các hòa giải viên e ngại khi huy động nguồn lực bên ngoài tham gia hỗ trợ, mà còn làm giảm trách nhiệm của người được mời, khiến vai trò của đối tượng này đôi khi chỉ mang tính hình thức. Việc chưa luật hóa quyền và nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở đã làm hạn chế hiệu quả của việc huy động trí tuệ, kinh nghiệm từ các chuyên gia, luật gia và những người có uy tín trong cộng đồng vào việc giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn tại cơ sở.

- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 thiếu các quy định về yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở (quy định này được ban hành tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Vì thế, nhiều người dân (thậm chí cả hòa giải viên) chưa biết đến quy định này để thực hiện sau khi hòa giải thành, đã dẫn đến tình trạng nhiều vụ việc dù đã hòa giải xong nhưng vẫn phát sinh tranh chấp mới hoặc phải khởi kiện lại từ đầu, gây lãng phí nguồn lực xã hội và làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác hòa giải ở cơ sở.

- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có quy định về việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở. Điều này tạo ra khoảng trống pháp lý trong việc tổ chức quản lý, khai thác và chia sẻ thông tin về hòa giải ở cơ sở, làm hạn chế khả năng triển khai các hình thức biểu quyết, hòa giải trực tuyến cũng như việc theo dõi, thống kê, đánh giá hiệu quả hoạt động hòa giải. Bên cạnh đó, việc quản lý hồ sơ chủ yếu bằng văn bản giấy, yêu cầu ký trực tiếp và lưu trữ thủ công khiến dữ liệu phân tán, khó tra cứu, không bảo đảm tính liên thông giữa các cấp, đồng thời phát sinh chi phí và thời gian xử lý. Trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu xây dựng nền quản trị hiện đại, việc khuyến khích số hóa thông tin, kết nối và chia sẻ dữ liệu, nâng cao

hiệu quả quản lý nhà nước, hỗ trợ hòa giải viên tiếp cận kịp thời các thông tin cần thiết, đồng thời góp phần hiện đại hóa hoạt động hòa giải, bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và phù hợp với định hướng xây dựng Chính phủ số. Đồng thời, việc bổ sung hình thức biểu quyết trực tuyến⁴⁸ trên cơ sở được cộng đồng thống nhất lựa chọn và bổ sung hình thức hòa giải trực tuyến⁴⁹ theo nhu cầu của các bên sẽ tạo thêm phương thức linh hoạt để người dân tham gia bầu chọn hòa giải viên, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, tiết kiệm chi phí tổ chức và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hòa giải ở cơ sở cơ bản đã hoàn thiện nhưng chưa được thống nhất và đồng bộ. Một số quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở hiện nay chưa tương thích, không phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật khác như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Bộ Luật Tổ tụng dân sự...

- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 còn quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong khi hiện nay thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (kết thúc hoạt động của chính quyền địa phương cấp huyện) và chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

c) Khó khăn, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

- Chất lượng hòa giải viên ở các địa phương chưa đồng đều, đặc biệt là các tỉnh miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều hòa giải viên còn hạn chế về kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải, chủ yếu hòa giải bằng kinh nghiệm của bản thân, vẫn còn hòa giải viên có tâm lý ngại va chạm, chưa mạnh dạn trong việc phân tích, thuyết phục các bên.

- Tỷ lệ hòa giải thành ở một số địa phương chưa cao; đa số các vụ việc hòa giải thành là các mâu thuẫn, tranh chấp đơn giản; số lượng vụ, việc hòa giải thành ở cơ sở đề nghị Tòa án ra quyết định công nhận còn thấp. Người dân chưa chủ động tìm đến tổ hòa giải để giải quyết tranh chấp.

- Công tác quản lý nhà nước về hòa giải chưa thực hiện bài bản (đặc biệt ở cấp xã); hoạt động thống kê, tổng kết, thi đua, khen thưởng chưa được chú trọng. Một số địa phương thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể trong công tác hòa giải ở cơ sở, việc hòa giải còn mang tính hình thức.

- Việc huy động nguồn lực xã hội, thu hút người có kiến thức pháp luật, có uy tín tham gia vào công tác hòa giải ở cơ sở chưa được chú trọng triển khai.

⁴⁸ Hiện nay, khoản 2 Điều 8 Luật Hòa giải ở cơ sở quy định tổ chức bầu hòa giải viên bằng một trong hai hình thức là (1) Biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình hoặc (2) Phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình.

⁴⁹ Hầu hết các địa phương góp kinh phí hòa giải ở cơ sở trong kinh phí dành cho phổ biến, giáo dục pháp luật

- Việc đảm bảo nguồn lực, kinh phí theo mức quy định của pháp luật cho công tác hòa giải ở cơ sở chưa được triển khai đồng đều giữa các địa phương; có nơi chưa bố trí kinh phí cho công tác này. Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, thù lao cho hòa giải viên tại một số địa phương còn phức tạp, chưa đúng quy định.

- Sự phối hợp giữa cơ quan Tư pháp và Mặt trận Tổ quốc cùng cấp tại một số địa phương đôi khi còn mang tính hình thức, chưa đi vào thực chất. Việc huy động các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia trực tiếp vào hoạt động hòa giải còn chưa đồng đều; vai trò nòng cốt của một số hội, đoàn thể trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và hòa giải mâu thuẫn trong chính hội viên, đoàn viên của mình có lúc còn mờ nhạt.

3.2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa nhận thức đúng về vị trí, vai trò tầm quan trọng của công tác hòa giải cơ sở nên chưa có sự quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn sát sao. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận chưa tham gia tích cực, chưa phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận trong công tác hòa giải ở cơ sở.

- Một bộ phận người dân chưa nhận thức được đúng vị trí, vai trò, ý nghĩa và nhiệm vụ của tổ hòa giải, hòa giải viên, chưa thực sự tin tưởng vào hoạt động hòa giải nên khi xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp thường đề nghị cơ quan chính quyền giải quyết.

- Phần lớn hòa giải viên là người cao tuổi chưa qua đào tạo về luật hoặc chưa từng công tác trong các ngành liên quan về pháp luật, đồng thời, chưa thường xuyên được cung cấp tài liệu, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ cần thiết phục vụ hoạt động hòa giải.

- Công tác truyền thông về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của công tác hòa giải ở cơ sở trong đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế xã hội chưa chú trọng.

b) Nguyên nhân khách quan

- Qua 12 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, một số quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành còn vướng mắc, không phù hợp với thực tiễn như đã phân tích ở trên.

- Mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải trong Nhân dân gia tăng cả về số lượng và tính chất phức tạp của vụ việc, nhất là tranh chấp trong lĩnh vực đất đai.

- Nguồn ngân sách nhà nước ở cấp huyện, đặc biệt là ở cấp xã còn khó khăn nên việc bố trí kinh phí cho công tác hòa giải chưa đảm bảo. Việc phân bổ ngân sách cho các địa phương không quy định rõ ràng, chi tiết các mục chi do địa phương

cân đối nên một số địa phương không ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở.

- Đội ngũ làm công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở các cấp, đặc biệt là công chức phụ trách công tác tư pháp phải thực hiện nhiều nhiệm vụ phức tạp, trong khi số lượng biên chế hạn hẹp.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

- Trong thời gian qua, Quốc hội đã ban hành, sửa đổi, bổ sung nhiều luật có liên quan đến hoạt động hòa giải ở cơ sở như Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình... đòi hỏi cần rà soát, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của các quy định hiện hành trong Luật Hòa giải ở cơ sở.

- Việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp vừa qua dẫn đến một số quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành không còn phù hợp như các quy định liên quan đến chính quyền cấp huyện, tên và chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan được sắp xếp...

- Tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 hiện nay, cùng với quá trình xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và yêu cầu thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia... đã và đang thúc đẩy việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương trên quy mô toàn quốc, xây dựng dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung..., đòi hỏi cần thay đổi phương thức hòa giải cũng như cách thức quản lý nhà nước trong công tác hòa giải ở cơ sở.

- Các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong thực tiễn ngày càng đa dạng và phức tạp về đối tượng và phạm vi hòa giải. Các mâu thuẫn liên quan tới kinh doanh nhỏ, buôn bán online, tranh chấp giữa người tiêu dùng với cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ ngày càng nhiều...

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị sửa đổi Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Nhằm tiếp tục thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về khuyến khích, phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài toà án, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong các quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện và thống nhất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và công tác quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở, Bộ Tư pháp đề xuất sửa đổi, bổ sung một

số nội dung của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, tập trung vào các nhóm chính sách sau: (i) Bổ sung quy định về chỉ định hoà giải viên và quyền, nghĩa vụ của hoà giải viên ở cơ sở đáp ứng yêu cầu thực tiễn; (ii) Xác định rõ phạm vi tham gia và quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở; (iii) Quy định về yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành ở cơ sở; (iv) Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở; (v) Quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong công tác hoà giải ở cơ sở.

1.1. Bổ sung quy định về chỉ định hoà giải viên và quyền, nghĩa vụ của hoà giải viên ở cơ sở đáp ứng yêu cầu thực tiễn

- Bổ sung việc chỉ định hoà giải viên bên cạnh bầu, công nhận hoà giải viên trong một số trường hợp nhất định nhằm bảo đảm kịp thời trong tổ chức hoạt động hòa giải ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, không làm ảnh hưởng đến nguyên tắc tự nguyện và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia hòa giải.

- Việc chỉ định hòa giải viên vào tổ hòa giải nhằm bảo đảm kịp thời kiện toàn đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở trong trường hợp tổ hòa giải không đủ số lượng hòa giải viên tối thiểu và không thể tổ chức bầu hòa giải viên theo quy định pháp luật. Việc chỉ định hòa giải viên được thực hiện như một phương thức xác lập tư cách hòa giải viên ngay từ đầu, không phải là việc chỉ định hòa giải viên để giải quyết từng vụ, việc hòa giải cụ thể.

- Hoàn thiện quy định về quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên và tổ trưởng tổ hòa giải theo hướng nâng cao vai trò, trách nhiệm và tính chủ động của đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở và bảo đảm phù hợp với nguyên tắc tổ chức, hoạt động hoà giải ở cơ sở, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hòa giải ở cơ sở.

Theo đó, bổ sung quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên để đáp ứng yêu cầu của công tác hòa giải ở cơ sở trong tình hình mới. Trong đó bổ sung quyền mời người có uy tín để tư vấn, hỗ trợ kiến thức pháp luật, kiến thức xã hội; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn pháp luật liên quan đến vụ, việc hoà giải tư vấn, hỗ trợ vụ, việc hoà giải; được nhận quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hoà giải thành của Tòa án nhân dân có thẩm quyền đối với các vụ, việc do mình trực tiếp hoà giải (nếu có); đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, lực lượng Công an cấp xã, Cảnh sát khu vực phụ trách địa bàn hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hỗ trợ tham gia vụ việc hoà giải trong trường hợp nhận thấy mâu thuẫn, tranh chấp nghiêm trọng có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của các bên và của hoà giải viên hoặc gây mất trật tự công cộng; được hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật và hướng dẫn kỹ năng số khi thực hiện các hoạt động hòa giải trên môi trường mạng hoặc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hồ sơ hòa giải. Bổ sung nghĩa vụ ghi nội dung vụ, việc hòa giải vào Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở, cung cấp tài liệu cho Tòa án khi được yêu cầu để làm cơ sở cho

việc xét đơn yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành ngoài Toà án, lập văn bản về kết quả hoà giải (gồm hoà giải thành và hoà giải không thành), tham dự tập huấn nâng cao nghiệp vụ, theo dõi, đôn đốc các bên thực hiện thoả thuận hoà giải thành và quyết định công nhận kết quả hoà giải thành của Toà án nhân dân có thẩm quyền đối với các vụ, việc do mình trực tiếp hoà giải (nếu có)...

1.2. Xác định rõ phạm vi tham gia và quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở

- Quy định rõ phạm vi, hình thức tham gia hoà giải của người được mời gồm: *Một là*, tham gia tư vấn, hỗ trợ kiến thức, phương pháp, kỹ năng hoà giải cho hoà giải viên trong quá trình hoà giải (có thể tư vấn kiến thức pháp luật, kiến thức xã hội, hỗ trợ tra cứu phong tục tập quán... của từng vụ, việc cụ thể). *Hai là*, trực tiếp tham gia hoà giải vụ, việc cùng với hoà giải viên (khi được các bên đồng ý).

- Quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người được mời tham gia hoà giải bảo đảm phù hợp với phạm vi, hình thức tham gia nhằm khuyến khích, tăng cường trách nhiệm của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở. Theo đó, người được mời tham gia hoà giải trực tiếp thực hiện hoà giải được hưởng thù lao và hỗ trợ khi gặp tai nạn, rủi ro khi thực hiện hoà giải.

1.3. Quy định về yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành ở cơ sở

- Bổ sung chính sách của Nhà nước về hoà giải ở cơ sở trong việc khuyến khích các bên tham gia hoà giải yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hoà giải thành.

- Quy định nghĩa vụ của hoà giải viên trong việc lập văn bản về kết quả hoà giải (gồm hoà giải thành và hoà giải không thành) nhằm ghi nhận những thoả thuận và ý kiến đối với vụ, việc hoà giải của các bên. Trong trường hợp hoà giải thành, văn bản về kết quả hoà giải thành là căn cứ để các bên thực hiện thoả thuận, quyền và nghĩa vụ đã thống nhất và là cơ sở để các bên thực hiện quyền yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền công nhận kết quả hoà giải thành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Tách bạch giữa quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoà giải; đồng thời bổ sung quyền của các bên trong hoà giải. Theo đó, rà soát, quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoà giải, bổ sung quyền của các bên trong việc yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền công nhận kết quả hoà giải thành; yêu cầu hoà giải viên lập văn bản về kết quả hoà giải sau khi kết thúc hoà giải.

- Quy định những nội dung chính của văn bản về kết quả hoà giải gồm căn cứ tiến hành hoà giải; thông tin cơ bản về các bên; nội dung chủ yếu của vụ việc; diễn biến của quá trình hoà giải; kết quả hoà giải: (i) Trường hợp hoà giải thành, kết quả hoà giải quy định rõ thoả thuận đạt được và giải pháp thực hiện; quyền và nghĩa vụ của các bên; phương thức, thời hạn thực hiện thoả thuận và các nội dung

khác theo thoả thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật; (ii) Trường hợp hoà giải không thành, kết quả hoà giải ghi rõ ý kiến của các bên và các nội dung cần thiết khác... Văn bản về kết quả hoà giải có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên, của hoà giải viên và của người được mời trực tiếp tham gia hoà giải vụ, việc (nếu có). Văn bản về kết quả hoà giải thành có hiệu lực thi hành đối với các bên theo quy định của pháp luật dân sự.

- Quy định về công nhận kết quả hoà giải thành theo hướng văn bản về kết quả hoà giải thành được xem xét công nhận theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

1.4. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hòa giải ở cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hỗ trợ nghiệp vụ của hoà giải viên, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công tác hòa giải. Trọng tâm quy định hoạt động hoà giải được thực hiện trên môi trường số bên cạnh việc giải quyết trực tiếp... Đa dạng hình thức bầu hoà giải viên, tổ trưởng tổ hoà giải; bổ sung hình thức hoà giải trực tuyến bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin...; bổ sung quyền của các bên trong hoà giải về việc lựa chọn, đề xuất hình thức hoà giải trực tuyến...Bổ sung quyền của hoà giải viên được hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật và hướng dẫn kỹ năng số khi thực hiện các hoạt động hòa giải trên môi trường mạng hoặc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hồ sơ hòa giải. Trên cơ sở đó, quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đầu cuối và hướng dẫn kỹ năng số khi thực hiện các hoạt động hòa giải trên môi trường mạng hoặc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hồ sơ hòa giải.

1.5. Quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong công tác hòa giải ở cơ sở

Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc tham gia công tác hòa giải ở cơ sở nhằm đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoà giải góp phần giữ gìn đoàn kết cộng đồng và ổn định trật tự xã hội, trọng tâm quy định cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác hòa giải ở cơ sở.

2. Kiến nghị nâng cao chất lượng tổ chức thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

- Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Tòa án nhân dân phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả công tác và phát huy tính chủ động tại địa phương.

- Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác hòa giải ở cơ sở; củng cố, kiện toàn tổ hòa giải và hòa giải viên; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng về công tác hòa giải; xây dựng các mô hình “cấp xã điển hình về hòa giải ở cơ sở” phù hợp với đặc điểm dân cư, địa lý của từng địa phương.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 17/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024-2030” như tăng cường và đổi mới phương pháp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn; đẩy mạnh các hình thức trao đổi kinh nghiệm để các hòa giải viên được thường xuyên học hỏi, bồi dưỡng kỹ năng hòa giải, tổ chức các hội thi hòa giải viên giỏi; tiếp tục xây dựng và phát hành tài liệu hướng dẫn kỹ năng, tài liệu pháp luật cho đội ngũ hòa giải viên; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong nâng cao năng lực cho hòa giải viên.

- Nhằm nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên, cần chú trọng đổi mới phương pháp tập huấn theo hướng tập trung vào kỹ năng điều phối và phân tích pháp lý thay vì dựa trên kinh nghiệm cá nhân. Đồng thời, đẩy mạnh số hóa tài liệu, xây dựng hệ thống tài liệu trực tuyến và sổ tay điện tử để hỗ trợ tra cứu mọi lúc, mọi nơi, nhất là tại các địa bàn khó khăn.

- Kết hợp chặt chẽ hoạt động hòa giải ở cơ sở với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, quy chế dân chủ ở cơ sở và thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật. Tăng cường truyền thông, phổ biến sâu rộng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với công tác hòa giải ở cơ sở; số hóa và đăng tải các tài liệu tập huấn, bồi dưỡng, các ấn phẩm khác về hòa giải ở cơ sở trên Cổng Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia, Cổng/Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật của các bộ, ngành, địa phương và trên mạng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác hòa giải đối với đời sống xã hội.

- Đẩy mạnh sự phối hợp liên ngành giữa cơ quan Tư pháp và Tòa án nhân dân các cấp trong hỗ trợ chuyên môn, tập huấn kỹ năng giải quyết tranh chấp cho hòa giải viên. Trọng tâm là hướng dẫn nghiệp vụ lập hồ sơ, văn bản về kết quả hòa giải thành đảm bảo đầy đủ các điều kiện để được Tòa án công nhận.

- Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong công tác hòa giải ở cơ sở nhằm thích ứng với điều kiện kinh tế - xã hội mới. Xây dựng và vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hòa giải ở cơ sở đảm bảo công tác quản lý, báo cáo và thống kê được thực hiện kịp thời, chính xác trên môi trường điện tử.

- Tiếp tục rà soát, củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; tăng cường đầu tư

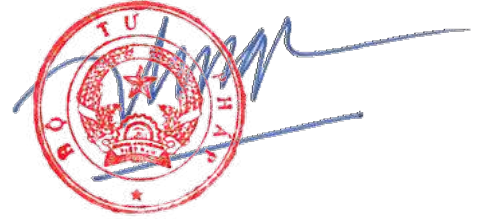
kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác hòa giải ở cơ sở; bảo đảm kinh phí cho hoạt động của tổ hòa giải và chi trả thù lao vụ việc theo quy định pháp luật.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Bộ Tư pháp trân trọng báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, PB&TG (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Ngọc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục I

VĂN BẢN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

(Kèm theo Báo cáo số 301/BC-BTP ngày 04/5/2026 của Bộ Tư pháp)

STT	Bộ, ngành, địa phương	Văn bản QPPL	Văn bản hành chính							Tổng cộng
			Chỉ thị	Kết luận/ Thông báo	Nghị quyết/ Chương trình	Quyết định	Kế hoạch	Công văn/ Hướng dẫn	Văn bản khác	
I	Bộ, ngành, đoàn thể trung ương	1	0	4	2	22	17	33	5	84
1	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	0					10	4	2	
2	Bộ Tư pháp/ Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương	0		4		22	3	28	2	
3	Bộ Tài chính	1								
4	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	0					4			
5	Tòa án nhân dân tối cao	0								
6	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	0			2			1	1	
7	Bộ Công an	0								
8	Bộ Quốc phòng	0								
9	Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch	0								
10	Hội người cao tuổi	0								

11	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	0								
12	Trung ương Hội Luật Gia Việt Nam	0								
13	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	0								
II	Địa phương	126	24	60	110	262	1222	793	79	2,676
1	An Giang	5	1	0	3	7	81	26	0	
2	Cà Mau	4	0	9	0	11	22	31	2	
3	Cao Bằng	1	1	4	2	4	27	19	0	
4	Cần Thơ	7	2	0	1	3	33	18	2	
5	Đà Nẵng	3	0	0	2	2	25	8	0	
6	Đắk Lắk	2	2	0	0	1	18	9	0	
7	Điện Biên	2	0	0	0	5	13	6	0	
8	Đồng Nai	2	1	0	0	5	30	17	0	
9	Bắc Ninh	5	1	0	6	12	40	42	12	
10	Đồng Tháp	4	1	0	0	1	22	11	0	
11	Gia Lai	6	0	0	0	20	56	44	10	
12	Hà Nội	1	2	0	4	1	16	16	0	
13	Hà Tĩnh	2	1	0	0	3	19	7	0	
14	Hải Phòng	4	0	0	0	3	26	9		
15	Hồ Chí Minh	7	3	0	2	14	50	22	6	
16	Hưng Yên	1	0	0	4	19	103	18	0	
17	Khánh Hòa	3	0	0	1	7	35	17	7	
18	Lai Châu	4	0	0	1	1	19	66	0	
19	Lạng Sơn	7	1	0	2	4	10	5	0	
20	Lào Cai	9	1	0	12	22	57	30	3	
21	Lâm Đồng	7	0	0	4	13	28	8	0	
22	Nghệ An	3	0	0	1	1	21	15	0	
23	Ninh Bình	3	0	0	9	7	29	27	0	

24	Phù Thọ	7	1	0	5	3	53	8	0	
25	Quảng Ngãi	5	1	2	26	10	57	45	3	
26	Quảng Ninh	2	1		1		1	1		
27	Quảng Trị	3	3	0	6	14	74	66	2	
28	Sơn La	2	0	0	0	7	17	2	0	
29	Thái Nguyên	2	0	17	2	31	96	76		
30	Tây Ninh	4	0	0	2	5	22	21	22	
31	Thanh Hóa	0	0	0	0	3	12	0	0	
32	Thừa Thiên -Huế	4	1	0	0	2	28	19	0	
33	Tuyên Quang	2	0	8	14	6	60	47	10	
34	Vĩnh Long	3	0	20	0	15	22	37	0	
Tổng		127	24	64	112	284	1239	826	84	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục II
SỐ TỔ HÒA GIẢI VÀ HÒA GIẢI VIÊN Ở CƠ SỞ
(Kèm theo Báo cáo số 301/BC-BTP ngày 04/5/2026 của Bộ Tư pháp)

STT	Tỉnh, Thành phố	Số tổ hòa giải								Số hòa giải viên							
		2014-2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2014-2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
	Tổng cộng	114,087	96,953	88,765	88,177	86,407	86,178	87,396	85,855	660,324	600,552	548,367	547,878	540,858	542,321	554,419	547,235
1	An Giang	1,795	1,845	1,833	1,834	1,831	1,829	1,829	1,829	12,869	12,185	11,622	11,507	11,405	11,440	11,716	12,350
2	Bắc Ninh	3380	2223	2118	2131	2100	2943	2926	2,857	22,763	12,750	12,051	12,459	12,468	20,167	20,095	20,267
3	Cà Mau	1467	1363	1397	1281	1396	1396	1396	1394	9471	9,751	9,144	8,381	9,191	9,199	9,163	9,549
4	Cao Bằng	2,479	2,479	1,453	1,460	1,461	1,462	1,462	1,369	13,227	14,447	7,771	7,509	8,091	8,068	8,192	7,842
5	Cần Thơ	1967	1956	1923	1920	1919	1917	1910	1903	11,893	11,459	10,911	10,818	11,064	11,117	11,137	11,440
6	Đà Nẵng	3,692	2,795	2,740	2,729	2,857	2,694	2,693	2,586	20385	14,887	14,695	14,274	14,325	14,340	14,419	14,078
7	Đắk Lắk	3,015	3,072	3,071	3,056	2,873	2,838	2,829	2,816	18260	19,107	19,525	19,602	17,900	17,733	17,771	17,496
8	Điện Biên	1,797	1,743	1,436	1,446	1,449	1,447	1,449	1,446	9,245	9,637	7,828	7,882	7,958	8,094	8,411	8,965
9	Đồng Nai	1,861	1,710	1,710	2,078	1,728	1776	1779	1775	11976	10,259	10,599	9,947	10,055	10,877	10,951	11,002
10	Đồng Tháp	1793	1784	1765	1757	1757	1754	1742	1722	11,312	11,129	10,908	10,832	10,825	10,837	10,759	10,786
11	Gia Lai	3,296	3,065	2,706	2,704	2,703	2,700	2,701	2,692	19,928	16,799	17,812	17,763	18,054	17,656	17,750	17,974
12	Hà Nội	7,544	5,429	4,975	4,951	4,994	5,095	5,111	5,336	34,467	34,555	32,075	32,234	32,101	32,794	33,347	34,489
13	Hà Tĩnh	2,166	1,953	1,971	1,959	1,937	1,932	1,926	1,894	15,331	14,010	13,094	13,007	13,298	13,454	13,524	13,469
14	Hải Phòng	4,128	3,905	3,795	3,605	3,278	3,122	3,089	3,088	24,648	22,822	22,695	22,379	20,731	19,999	19,987	19,266
15	Hồ Chí Minh	9871	3,457	3,337	3,225	3,226	3,216	5,329	5,569	39,247	20,775	19,634	19,345	18,833	18,593	25,636	26,332
16	Hưng Yên	3087	3015	2642	2667	2661	2650	2646	2631	21,710	22,055	19,626	20,021	19,631	19,358	19,377	18,497
17	Khánh Hòa	1316	1399	1381	1376	1374	1343	1242	1180	7,768	7,749	7,470	7,461	7,445	7,179	6,894	6,538
18	Lai Châu	1,149	1,048	956	956	957	956	956	941	5,847	5,432	5,256	5,249	5,221	5,236	5,304	5,240
19	Lạng Sơn	2,314	1,998	1,864	1,710	1,688	1,575	1,647	1,636	12,709	12,870	11,457	11,059	10,908	10,664	10,659	10,506
20	Lào Cai	4,105	3,096	2,933	2,713	2,920	2,922	2,863	2,628	20,675	16,576	15,804	15,839	15,986	15,828	15,931	15,198

21	Lâm Đồng	3,048	3,026	2,797	2,794	2508	2778	2777	2463	17,975	17,269	16,468	16,188	16,186	16,081	16,114	15,129
22	Nghệ An	5,932	5,401	3,817	3,816	3,876	3,815	3,803	3,805	38500	35,821	26,281	26,327	26,402	26,199	26,258	25,394
23	Ninh Bình	6,487	6,018	5,805	5,923	4,519	4,492	4,486	4,367	38,680	36,617	33,989	35,660	28,184	28,513	29,280	29,441
24	Phú Thọ	6,369	5,366	4,906	5,080	5,085	5,060	4,981	4,536	38,983	32,553	30,268	30,857	31,186	31,721	31,140	30,440
25	Quảng Ngãi	2,262	2,061	1733	1737	1722	1733	1715	1714	14,309	13,917	12,083	11,782	11,484	11,659	16,475	11,189
26	Quảng Ninh	1,588	1,566	1,544	1,550	1,453	1,455	1,452	1,415	8,951	8,962	8,951	9,160	8,983	9,128	9,126	9,264
27	Quảng Trị	2,668	2,375	2,042	2,069	2,047	2003	1982	1931	15,680	15,360	13,745	13,494	13,524	13,529	13,480	13,174
28	Tây Ninh	1,621	1,575	1,557	1,547	1,547	1540	1540	1530	10,966	10,289	9,964	9,776	9,735	9,702	9,686	9,540
29	Thái Nguyên	4,613	5,214	4,319	4,135	4,391	3547	3522	3032	25,909	34,376	29,326	29,897	30,072	23,285	22,676	21,375
30	Thanh Hóa	5,817	4,358	4,349	4,158	4,340	4303	4351	4358	33,995	28,314	26,822	27,183	27,676	27,637	27,652	29,314
31	Sơn La	3,299	2,785	2,503	2,505	2,424	2,294	2,251	2,225	20,664	17,465	12,835	14,947	14,604	14,175	14,430	14,944
32	Huế	1,403	1,266	1,148	1,121	1,106	1,120	1,110	998	7,428	7,429	6,563	6,614	6,598	6,568	6,475	6,552
33	Tuyên Quang	4,178	3,982	3,788	3,732	3,804	3,807	3,405	3,843	24,643	22,948	21,822	19,379	22,331	23,223	22,485	22,572
34	Vĩnh Long	2,571	2,624	2,449	2,452	2,476	2,464	2,496	2,346	19,810	19,978	19,273	19,046	18,403	18,345	18,119	17,623

* Số liệu giai đoạn 2014-2018 đã tổng hợp tại Báo cáo số 265/BC-BTP ngày 27/9/2019 của Bộ Tư pháp về đánh giá kết quả 05 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục III
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
(Kèm theo Báo cáo số 304/BC-BTP ngày 04/5/2026 của Bộ Tư pháp)

STT	Tỉnh/TP Năm	Số vụ, việc đã tiến hành hòa giải								Số vụ, việc hòa giải thành								Tỷ lệ hòa giải thành trung bình
		Trung bình giai đoạn 2014- 2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Trung bình giai đoạn 2014-2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	
	TỔNG	154,663	118,209	127,309	110,396	114,887	106,419	95,107	67,737	124,337	97,735	102,613	88,922	95,022	90,594	82,277	56,156	81.92
1	An Giang	9,763	6,790	7,092	4,879	6,671	7,147	6,698	6,434	7,861	5,801	6,126	4,311	5,898	6,375	6,126	5,271	84.48
2	Bắc Ninh	3,392	1,345	1,680	2,629	1,641	2,564	2,115	1,280	2,703	1,035	1,229	2,090	1,192	2,099	1,764	982	78.55
3	Cà Mau	5,427	5,406	5,197	3,886	5,265	5,457	5,595	5,138	4,385	4,360	3,916	3,036	4,217	4,552	4,959	4,125	80.88
4	Cao Bằng	663	956	1,355	1,553	1,637	1,377	1,114	598	465	658	901	1,027	1,167	951	790	420	69.47
5	Cần Thơ	9,199	9,253	8,684	6,111	7,995	7,690	7,615	6,013	7,760	8,065	7,370	5,148	6,859	6,849	6,871	4,668	85.06
6	Đà Nẵng	3,457	2,514	2,510	2,476	2,416	2,049	2,043	1,133	2,967	2,126	2,151	2,013	1,971	1,760	1,783	918	84.71
7	Đắk Lắk	5,059	3,789	3,759	3,456	3,353	3,067	3,002	2,056	3,886	2,746	2,623	2,273	2,384	2,500	2,371	1,520	74.80
8	Điện Biên	996	1,143	1,702	1,847	1,565	1,401	1,408	738	766	895	1,317	1,489	1,262	1,069	1,034	577	77.45
9	Đồng Nai	5,091	3,606	3,594	2,496	2,869	2,445	2,192	1,605	3,678	2,673	2,632	1,787	2,043	1,915	1,797	1,274	74.25
10	Đồng Tháp	7,695	5,222	5,902	3,664	5,015	4,432	4,408	3,665	6,240	4,447	5,021	3,189	4,444	4,047	4,177	3,227	85.46
11	Gia Lai	4,145	3,642	3,893	3,927	3,686	4,013	3,715	2,008	2,056	3,091	3,274	3,194	3,026	3,456	3,199	1,689	69.72
12	Hà Nội	8,458	5,741	5,472	4,281	4,432	3,682	2,943	2,534	6,859	4,843	4,581	3,569	3,854	3,295	2,674	2,142	84.06
13	Hà Tĩnh	2,320	1,083	867	727	811	643	444	286	1,885	883	752	638	693	587	411	244	84.73
14	Hải Phòng	5,462	3,815	3,969	3,599	3,366	2,495	1,851	1,132	4,182	2,953	2,959	2,722	2,680	2,122	1,492	881	77.79
15	Hồ Chí Minh	5,997	3,740	3,883	1,937	2,584	2,712	2,296	1,365	4,517	3,187	3,277	1,697	2,342	2,519	2,145	1,205	83.26
16	Hưng Yên	6,228	3,991	3,539	3,450	3,151	2,706	2,353	1,222	5,004	3,343	2,955	2,867	2,602	2,320	1,995	1,010	82.32
17	Khánh Hòa	1,684	1,411	1,706	1,418	1,459	1,262	1,141	631	1,388	1,133	1,318	1,060	1,152	990	970	501	80.51
18	Lai Châu	985	1,193	1,558	1,681	1,590	1,491	1,477	955	842	1,031	1,365	1,416	1,359	1,314	1,227	817	85.66
19	Lạng Sơn	2,156	2,899	3,848	4,111	4,256	4,072	3,677	3,058	1,540	2,131	2,842	3,094	3,201	3,202	2,992	2,460	74.63
20	Lào Cai	3,812	3,258	4,377	4,720	5,107	5,031	4,989	3,913	3,343	2,917	3,854	4,091	4,596	4,583	4,515	3,474	88.60
21	Lâm Đồng	5,969	4,669	5,068	4,646	5,060	4,299	3,563	2,188	4,431	3,592	3,789	3,404	3,656	3,364	2,977	1,781	75.96
22	Nghệ An	6,181	3,872	4,179	4,140	4,052	3,283	2,727	1,853	4,759	3,000	3,082	3,045	3,198	2,667	2,153	1,487	77.43
23	Ninh Bình	5,051	2,101	2,775	2,505	2,529	1,974	1,592	811	4,025	1,720	2,132	1,893	1,933	1,478	1,160	600	77.57
24	Phú Thọ	6,268	4,706	4,312	4,079	3,863	3,429	2,772	1,865	5,080	3,952	3,222	3,249	2,961	2,692	2,123	1,471	79.52
25	Quảng Ngãi	4,295	3,409	3,441	3,325	3,283	3,349	2,864	1,646	3,384	2,871	3,005	2,929	2,848	2,835	2,479	1,392	83.01
26	Quảng Ninh	2,081	1,891	2,161	1,523	1,270	1,571	1,255	730	1,600	1,480	1,733	1,232	1,110	1,341	1,158	663	81.64
27	Quảng Trị	2,821	1,640	1,741	1,796	1,718	1,319	1,095	821	2,438	1,395	1,414	1,429	1,359	1,068	871	688	83.44
28	Sơn La	2,017	1,998	2,045	2,763	2,532	2,673	1,409	1,303	1,692	1,687	1,594	2,062	2,246	2,337	1,939	1,140	88.13
29	Tây Ninh	4,149	2,805	2,519	1,551	1,772	1,713	1,583	1,268	3,533	2,509	2,232	1,413	1,654	1,631	1,501	1,043	88.38
30	Thái Nguyên	3,165	3,067	4,052	2,153	2,910	3,783	1,462	935	2,428	2,455	3,053	1,563	2,315	1,401	1,162	716	73.68
31	Thanh Hóa	6,313	4,405	5,411	5,034	4,045	3,124	1,971	1,158	5,199	3,508	4,154	3,872	3,238	2,518	1,624	1,005	81.24
32	Thừa Thiên - Huế	1,325	963	1,047	992	929	837	687	423	1,037	787	872	821	782	664	535	320	79.68
33	Tuyên Quang	6,580	7,251	8,728	8,779	7,688	7,527	6,679	4,717	5,688	6,441	7,463	7,598	6,851	6,554	5,859	4,112	87.01
34	Vĩnh Long	6,455	14,974	5,243	4,263	4,365	3,793	3,429	2,915	5,312	4,020	4,175	3,701	3,911	3,548	3,216	2,333	80.14

* Số liệu giai đoạn 2014-2018 đã tổng hợp tại Báo cáo số 265/BC-BTP ngày 27/9/2019 của Bộ Tư pháp về đánh giá kết quả 05 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục IV
KINH PHÍ THỰC HIỆN CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
(Kèm theo Báo cáo số 301 /BC-BTP ngày 04/5/2026 của Bộ Tư pháp)

STT	Tỉnh/Thành phố	Tổng	Chi thù lao cho hòa giải viên	Chi bầu hòa giải viên	Chi hỗ trợ Tổ hòa giải (văn phòng phẩm, photo tài liệu...)	Chi hỗ trợ hòa giải viên gặp tai nạn, rủi ro (nếu có)	Chi tập huấn, cung cấp tài liệu, nâng cao năng lực cho hòa giải viên	Kinh phí xã hội hóa (nếu có)
	Tổng cộng	717,139,386,480	167,440,145,168	15,309,761,150	243,093,374,601	721,275,000	164,063,830,721	2,755,188,000
1	An Giang	37,289,073,000	15,170,911,000	766,390,000	13,999,300,000	1,000,000	7,345,472,000	6,000,000
2	Bắc Ninh	16,451,626,000	3,392,330,000	617,340,000	6,665,066,000	0	5,566,990,000	209,900,000
3	Cà Mau	31,473,054,000	12,184,879,000	246,550,000	15,039,100,000	400,000	3,937,125,000	65,000,000
4	Cao Bằng	2,105,020,080	74,021,080	14,530,000	176,057,000	0	1,840,412,000	0
5	Cần Thơ	47,034,594,000	18,403,680,000	76,480,000	17,541,617,000	0	10,762,817,000	250,000,000
6	Đà Nẵng	8,512,531,298	1,928,756,298	363,860,000	2,113,274,000	1,000,000	4,076,091,000	29,550,000
7	Đắk Lắk	4,923,159,070	3,506,977,000	232,446,000	1,126,816,070	0	569,200,000	0
8	Điện Biên	5,655,040,000	1,006,650,000	40,730,000	1,669,085,000	0	2,938,575,000	0
9	Đồng Nai	16,979,533,000	6,013,600,000	502,610,000	6,289,424,000	30,000,000	3,898,899,000	245,000,000
10	Đồng Tháp	31,437,468,680	14,129,310,000	655,780,000	12,060,714,050	2,500,000	4,467,874,630	121,290,000
11	Gia Lai	22,919,363,424	6,469,854,600	381,170,000	5,959,127,024	0	10,109,211,800	0
12	Hà Nội	115,413,072,140						
13	Hà Tĩnh	16,499,089,900	1,585,330,000	310,579,900	8,299,190,000	0	6,264,540,000	39,450,000
14	Hải Phòng	7,865,527,600	1,615,893,000	901,340,000	1,086,593,600	0	4,169,031,000	92,670,000
15	Hồ Chí Minh	43,059,497,327	6,732,380,000	832,520,000	25,947,711,106	3,550,000	9,263,778,221	279,558,000
16	Hưng Yên	8,287,083,770	2,787,383,000	841,570,000	907,907,770	0	3,750,223,000	0
17	Khánh Hòa	3,587,266,670	1,093,854,840	125,587,250	210,986,660	8,470,000	2,148,367,920	0
18	Lai Châu	11,025,479,000	2,074,857,200	0	8,845,876,800	0	104,745,000	0
19	Lạng Sơn	13,992,943,690	6,106,201,300	667,699,000	2,680,446,740	0	4,538,596,650	0

20	Lào Cai	30,825,433,243	4,318,379,900	47,610,000	19,310,197,943	0	7149245400	0
21	Lâm Đồng	30,703,871,090	8,982,179,400	733,450,000	16,939,488,690	646,255,000	3,366,498,000	36,000,000
22	Nghệ An	17,930,036,900	2,151,035,500	690,000,000	6,222,592,400	0	8,836,409,000	30,000,000
23	Ninh Bình	12,226,522,150	2,318,671,150	423,400,000	3,925,182,000	0	5,433,769,000	125500000
24	Phủ Thọ	27,945,555,000	1,056,110,000	610,655,000	15,844,984,000	0	10,120,406,000	313,400,000
25	Quảng Ngãi	18,206,022,000	6,138,578,000	682,280,000	7,444,126,000	11,200,000	3,799,838,000	130,000,000
26	Quảng Ninh	9,395,016,596	2,088,304,000	111,870,000	4,412,213,496	0	2,743,079,100	39,550,000
27	Quảng Trị	9,540,144,489	739,430,000	64,775,000	3,589,319,999	16,750,000	6,900,791,490	700,000
28	Sơn La	14,041,464,352	4,062,235,000	1,003,780,000	5,351,861,333	0	3,623,588,019	0
29	Tây Ninh	11,641,387,771	4,419,757,000	375,202,000	4,987,795,000	0	1,242,413,771	696620000
30	Thái Nguyên	16,480,515,600	3,625,756,900	915,540,000	3,352,207,000	0	8,914,263,000	0
31	Thanh Hóa	11,022,013,000						
32	Thừa Thiên -Huế	8,385,185,720	293,300,000	0	2,804,069,000	0	5,287,816,720	0
33	Tuyên Quang	36,459,273,640	13,583,770,000	1,281,377,000	15,597,200,640	0	5,996,926,000	0
34	Vĩnh Long	17,826,522,280	9,385,770,000	792,640,000	2,693,844,280	150,000	5,409,118,000	45,000,000